

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG GIAI ĐOẠN 2010-2020	3
I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	3
1. Công tác xây dựng bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình	3
2. Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình	3
3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới	5
4. Công tác nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp	5
5. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình	6
6. Nhiệm vụ “Nghiên cứu, xuất bản thông tin thị trường sản phẩm nông nghiệp theo định kỳ”	7
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO “NGÀNH CÔNG THƯƠNG CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI”	8
1. Công tác chỉ đạo, phát động phong trào thi đua	8
2. Kết quả thực hiện phong trào thi đua	9
III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI (TIÊU CHÍ SỐ 4 VÀ SỐ 7).....	14
1. Mục tiêu đặt ra trong giai đoạn 2010-2020	14
2. Những kết quả đạt được	14
VI. CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI.....	22
1. Khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nuôi trồng, sản xuất, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp	22
2. Khoa học và công nghệ ngành Công Thương phục vụ phát triển thương mại nông thôn, thúc đẩy xuất khẩu, tiếp cận thị trường cho sản phẩm nông nghiệp	23
V. KẾT QUẢ HỖ TRỢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ TỔ CHỨC SẢN XUẤT, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, TĂNG THU NHẬP	24
1. Hoạt động khuyến công.....	24
2. Phát triển cụm công nghiệp	26
3. Hoạt động xúc tiến thương mại (XTTM)	27

4. Hỗ trợ phát triển thị trường xuất khẩu nông sản	27
VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG	29
1. Đánh giá về những kết quả đạt được.....	29
2. Tồn tại, hạn chế.....	30
3. Nguyên nhân	31
4. Bài học kinh nghiệm.....	33
Phần thứ hai	34
MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2020	34
I. QUAN ĐIỂM	34
II. MỤC TIÊU	34
1. Mục tiêu tổng quát.....	34
2. Mục tiêu cụ thể.....	34
II. MỘT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN HẾT NĂM 2020 VÀ SAU NĂM 2020	35
Phần thứ ba	38
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	38
I. Đối với Chính phủ và Đối với Ban Chỉ đạo Trung ương	38
II. Đối với các Bộ liên quan	38
1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:	38
2. Bộ Tài chính:.....	38
3. Bộ Xây dựng.....	39
4. Bộ Thông tin và truyền thông.....	39
5. Bộ Nội vụ	39
III. Đối với UBND các tỉnh, thành phố	39

MỞ ĐẦU

Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2011-2020, với mục tiêu chủ đạo là xây dựng nông nghiệp, nông thôn với cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển nông thôn hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn.

Qua gần 10 năm thực hiện, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, với sự chỉ đạo quyết liệt, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ Trung ương tới địa phương, sự hưởng ứng tích cực của nhân dân, Chương trình đã trở thành một phong trào sôi nổi, rộng khắp trên cả nước và đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể như: Diện mạo nông thôn khởi sắc rõ rệt; nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả cao; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân được nâng cao; Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn phát triển nhanh, đặc biệt là hệ thống đường giao thông, hạ tầng điện, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, trường học... tạo ra diện mạo mới cho khu vực nông thôn của các địa phương; thu nhập và đời sống của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao (thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng nhanh, năm 2010 là 12,84 triệu đồng/người/năm, đến năm 2018 đạt khoảng trên 34 triệu đồng/người/năm, tăng 2,64 lần so với năm 2010); cơ cấu kinh tế nông thôn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, nâng cao chất lượng - hiệu quả sản xuất...

Tính đến hết tháng 08/2019, cả nước có 4.522 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 50,8% tổng số xã, tăng gần gấp 3 lần so với năm 2015, về đích trước hơn 01 năm so với mục tiêu 50% xã số xã đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020; số tiêu chí bình quân/xã đạt 15,26 tiêu chí, vượt mục tiêu 15 tiêu chí/xã vào năm 2020; cả nước không còn xã dưới 5 tiêu chí. Ở cấp huyện, có 89/644 đơn vị cấp huyện đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 12,7% tổng số huyện, tăng 74 huyện so với năm 2015.

Như vậy, xây dựng nông thôn mới đã trở thành một định hướng quan trọng, phù hợp với chủ trương của Đảng, Chính phủ nhằm nâng cao đời sống văn hóa - kinh tế - xã hội - môi trường của khu vực nông thôn và xây dựng nông thôn phát triển bền vững.

Thực hiện Quyết định số 31/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 05 tháng 03 năm 2019 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 về ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Bộ Công Thương xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Ngành Công Thương để

cùng nhìn lại chặng đường 10 năm qua, đánh giá kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế cần khắc phục, tổng kết những bài học kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện hai tiêu chí số 4 về Điện và Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn giai đoạn 2010 - 2020, qua đó đề ra các giải pháp giải pháp tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các tiêu chí cho giai đoạn sau năm 2020.

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA NGÀNH CÔNG
THƯƠNG GIAI ĐOẠN 2010-2020

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác xây dựng bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

Ngay từ khi Chương trình thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới được tổ chức triển khai, thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương đã thành lập Tổ công tác để giúp lãnh đạo Bộ tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ Ban Chỉ đạo Trung ương giao tại Quyết định số 0387/QĐ-BCT ngày 20 tháng 01 năm 2010.

Tiếp đó, để thống nhất đầu mối triển khai thực hiện các nhiệm vụ, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2466/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2011 về việc thành lập Ban Chỉ đạo của Bộ Công Thương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; theo đó, giao Cục Công nghiệp địa phương (nay là Cục Công Thương địa phương) làm cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Bộ Công Thương, chịu trách nhiệm làm đầu mối phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới theo nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng và trình Ban Chỉ đạo Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch Công tác của Bộ Công Thương, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ được BCĐ Trung ương giao.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Bộ Công Thương đã hướng dẫn các địa phương rà soát thực trạng 2 tiêu chí điện nông thôn và chợ nông thôn trên địa bàn cả nước. Trên cơ sở đó, Bộ đã xây dựng, ban hành: Kế hoạch triển khai thực hiện tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7 thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 6286/QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ Công Thương; Công văn số 11059/BCT-TCNL ngày 29 tháng 11 năm 2011 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Chương trình.

Tuy nhiên, sau khi kiểm tra thực tế và nhận được phản ánh của các địa phương về những khó khăn trong quá trình đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7, Bộ Công Thương đã nhanh chóng nghiên cứu, xây dựng và ban hành 02 Quyết định về hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7 gửi các địa phương triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- Quyết định số 12151/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 7 về chợ trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Quyết định số 3192/QĐ-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Trong giai đoạn 2016-2019, để các địa phương thống nhất phương pháp đánh giá, thẩm định, xét công nhận cho các xã đạt tiêu chí về điện nông thôn và cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Bộ Công Thương đã ban hành các văn bản:

- Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2016 về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Quyết định số 4800/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2016 về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2016 về phương pháp đánh giá thực hiện tiêu chí số 4 về điện huyện nông thôn mới trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo Bộ Công Thương cũng tích cực tham gia góp ý, xây dựng dự thảo các văn bản như: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, góp ý sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 về tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã nông thôn mới kiểu mẫu, hướng dẫn xây dựng triển khai, thực hiện huyện nông thôn mới; Đề án phát triển kinh tế du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới...

Về phía các Sở Công Thương, công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được nghiêm túc được triển khai. Căn cứ hệ thống văn bản, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình của Trung ương và Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp tỉnh đã chủ động tham mưu UBND ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế thông qua các Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Kế hoạch, Công

văn,...như: Chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư, xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng chợ; cơ chế chính sách đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với các nội dung tiêu chí xây dựng nông thôn mới; quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ; kế hoạch triển khai đầu tư phát triển hệ thống điện nông thôn, các văn bản hướng dẫn thực hiện, xét công nhận đạt tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7...

Nhìn chung, các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn được ban hành đảm bảo phù hợp, sát với thực tế, tạo thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

Trong giai đoạn vừa qua, Bộ Công Thương đã tích cực chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tập trung đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền. Xây dựng trang nông thôn mới trên các ấn phẩm, báo, tạp chí, phát hành định kỳ báo giấy và điện tử như: Báo Công Thương, Bản tin khuyến công; Biên tập và in ấn cuốn “Hệ thống các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới về hai tiêu chí số 4 - điện nông thôn và tiêu chí số 7 - Chợ nông thôn”; tuyên truyền bằng tranh ảnh, sách báo về xây dựng nông thôn mới trong đó có thực hiện tiêu chí điện nông thôn và tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, các hoạt động tình nguyện vệ sinh môi trường,...

Sở Công Thương khẩn trương tổ chức triển khai hai tiêu chí được phân công; tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng như: Xây dựng chương trình phát sóng truyền hình; mở trang, chuyên mục, tăng thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động xây dựng nông thôn mới; cung cấp thông tin về thực hiện hai tiêu chí số 4 và số 7 trên trang thông tin điện tử của Sở; tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, nhân dân... để phục vụ công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới, qua đó đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và thu hút được sự đồng tình hưởng ứng, tự giác tham gia của người dân. Với sự nỗ lực của Sở Công Thương, ngành điện cùng chính quyền địa phương đã vận động người dân tham gia hiến đất, đóng góp lớn trong việc xây dựng hệ thống điện nông thôn, chợ nông thôn; tích cực đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo cho người dân nông thôn...

4. Công tác nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp

Triển khai nhiệm vụ được giao, trong thời gian qua, Bộ Công Thương đã chỉ đạo các Trường thuộc Bộ (Đại học Công nghiệp Việt Trì, Cao đẳng Công nghiệp Huế) xây dựng giáo trình và tổ chức được 24 lớp tập huấn nâng cao năng lực và nhận thức về công tác xây dựng nông thôn mới cho trên 1.700 cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới với thời gian tập huấn là

03 ngày/lớp trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Phú Thọ, Hà Nam, Tây Ninh, Yên Bái, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

Các chương trình tập huấn cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới đã trang bị nhiều kiến thức cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới như: Giúp hiểu sâu hơn những kiến thức, kinh nghiệm về kỹ năng xây dựng nông thôn mới; cách thức tuyên truyền cho người dân nhận thức được vai trò của công tác xây dựng nông thôn mới; định hướng phát triển sản xuất nông thôn trong khu vực thông qua các loại hình tổ chức sản xuất phù hợp với đặc thù của địa phương. Góp phần tạo sự đồng thuận của xã hội về vai trò, ý nghĩa, những kết quả và thành tựu của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Về phía địa phương, hàng năm Sở Công Thương các tỉnh, thành phố thường xuyên tập huấn, hướng dẫn quy trình thực hiện tiêu chí chợ, điện nông thôn tại các xã, huyện trên địa bàn các tỉnh/thành phố; tập huấn nghiệp vụ về công tác quản lý chợ, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các hộ kinh doanh tại các chợ nông thôn....

5. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

Bám sát kế hoạch công tác của BCD Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia, trong giai đoạn 2010-2018, Ban Chỉ đạo Bộ Công Thương đã tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia với 21 lượt kiểm tra tại 12 địa phương được BCD Trung ương giao, cụ thể: Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng (2011, 2012, 2013); Hải Phòng, Thái Bình, Hải Dương (2014); Phú Yên, Khánh Hoà (2015, 2016), Hưng Yên, Hải Dương (2017); Vĩnh Phúc, Hà Nam, Nam Định (2018). Đoàn công tác bao gồm các đơn vị liên quan thuộc Bộ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam; đại diện Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Trung ương và đại diện Văn phòng điều phối chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Tại từng địa phương, Đoàn kiểm tra đã làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các Sở, ngành liên quan; kiểm tra thực tế địa bàn xã nông thôn mới, tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM tại các địa phương Bộ Công Thương được giao theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn (*Chi tiết tại Phụ lục số 1*)

Bên cạnh đó, căn cứ vào nhiệm vụ được phân công chủ trì hướng dẫn, đôn đốc thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn và tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, BCD Bộ Công Thương đã tổ chức 27 lượt làm việc nhằm kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện tiêu chí số 4 và số 7 tại 24 địa phương. Tại từng địa phương, Đoàn công tác đã làm việc với đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các Sở, ngành liên quan, kiểm tra thực tế tình hình thực hiện 2 tiêu chí tại địa bàn xã nông thôn mới, tìm hiểu những thuận lợi,

khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7.

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện tiêu chí số 4 và số 7 tại các địa phương đã kiểm tra (*Chi tiết tại Phụ lục số 02*)

Về phía địa phương, Sở Công Thương các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương (tỉnh/ thành phố) đã chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển chợ; kiểm tra, rà soát những hộ chưa được sử dụng điện, đánh giá chất lượng điện áp tại các khu vực nông thôn qua đó tổng hợp, báo cáo UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo việc thực hiện đầu tư xây dựng công trình và nâng cấp cải tạo hệ thống lưới điện để nâng cao chất lượng điện áp, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho nhân dân; đánh giá hiện trạng hệ thống chợ, công tác chuyên đổi mô hình quản lý chợ...qua đó nắm bắt và giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

6. Nhiệm vụ “Nghiên cứu, xuất bản thông tin thị trường sản phẩm nông nghiệp theo định kỳ”

Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thông tin thị trường các sản phẩm nông sản theo định kỳ, trong giai đoạn 2010-2020, Bộ Công Thương đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng trực thuộc Bộ tổng hợp, phân tích thông tin thị trường dưới dạng các bản tin hoặc các báo cáo chuyên đề về một số mặt hàng nông sản thế mạnh của Việt Nam như lúa gạo, tiêu, điều... Thông tin thị trường được tổng hợp, phân tích một cách toàn diện đối với thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.

Về thị trường nội địa, các bản tin, báo cáo tập trung cập nhật về tình hình tiêu thụ các mặt hàng nông, lâm, thủy sản tại thị trường nội địa trong tháng; đánh giá diễn biến giá cả tại các vùng trên cả nước; cung cấp thông tin về hoạt động phát triển và xây dựng thương hiệu của các sản phẩm nông nghiệp; đánh giá tiềm năng phát triển, đẩy mạnh tiêu thụ của các sản phẩm nông nghiệp tại thị trường nội địa.

Về thị trường xuất khẩu, chủ yếu phân tích và đánh giá luân phiên tình hình xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản sang một số khu vực, thị trường trọng điểm và có tiềm năng phát triển như Mỹ, Nhật Bản, EU, Asean, châu Phi...; trong đó, tập trung vào tình hình biến động của từng thị trường, khu vực so với các kỳ trước về nhu cầu nhập khẩu và chính sách, xu hướng liên quan đến nhóm hàng nông, lâm, thủy sản.

Các báo cáo, bản tin không chỉ cung cấp thông tin hữu ích về diễn biến tình hình thị trường tiêu thụ nội địa cũng như thị trường xuất khẩu của các sản phẩm nông nghiệp, cập nhật các thông tin về cung cầu và chính sách của các thị trường nhập khẩu, chính sách của Chính phủ... mà còn đưa ra triển vọng thị trường, dự báo dung lượng thị trường trong giai đoạn sắp tới, góp phần hỗ trợ người nông dân và các doanh nghiệp chủ động hơn trong hoạt động sản xuất, tiêu thụ và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm của ngành nông nghiệp của

Việt Nam trên thị trường thế giới; đồng thời giúp các địa phương trong công tác quản lý nhà nước, đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh đầu ra trong thời gian tới.

Ngoài ra, các bản tin thị trường còn cung cấp các thông tin về xúc tiến thương mại, giới thiệu các hội chợ triển lãm của các sản phẩm nông nghiệp trong nước cũng như quốc tế, tình hình phát triển thương hiệu... Các thông tin về rào cản thương mại, kỹ thuật và phi thương mại, cập nhật những chính sách mới, mức thuế, quy định mới và cảnh báo của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.

Trong giai đoạn 2017-2019, Bộ Công Thương đã thực hiện được 72 số bản tin định kỳ hàng tháng và được gửi tới 660 địa chỉ nhận (năm 2019 là 1.000 địa chỉ nhận) bao gồm: Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương, Văn phòng điều phối Nông thôn mới Trung ương, Văn phòng điều phối Nông thôn mới 63 tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình của Bộ Công Thương, UBND tỉnh, thành phố, Sở Công Thương tỉnh, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố, Trung tâm xúc tiến thương mại tỉnh, thành phố, Liên minh hợp tác xã các tỉnh, thành phố, các Viện, Hiệp hội Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các Cục, Vụ thuộc Bộ có liên quan thuộc Bộ Công Thương, với tổng số 37.120 cuốn.

Các số bản tin cũng được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Công Thương địa phương tại địa chỉ <http://arid.gov.vn/>.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO “NGÀNH CÔNG THƯƠNG CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI”

1. Công tác chỉ đạo, phát động phong trào thi đua

Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, Bộ Công Thương và Công đoàn Công Thương Việt Nam đã phát động Phong trào thi đua giai đoạn 2011-2015 tới tất cả các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành, thông qua Chỉ thị số 15/CTLT-BCT-CDCT ngày 31 tháng 10 năm 2011. Đến giai đoạn 2016-2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 4318/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 về Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Ngành Công Thương chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020.

Bộ Công Thương yêu cầu việc triển khai thực hiện “Phong trào thi đua” phải trở thành nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong các phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị toàn ngành Công Thương giai đoạn 2016- 2020. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải lấy kết quả triển khai thực hiện “Phong trào thi đua” là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá kết quả và công nhận danh hiệu thi đua. Bên cạnh đó, “Phong trào thi đua” phải được tổ chức sâu rộng, thường xuyên, liên tục với các nội dung cụ thể, hình thức phong phú, thiết thực, phù hợp với thực tiễn và tạo được sức lan tỏa, tác động tích cực đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi cá nhân, tập thể trong từng lĩnh vực.

Trong quá trình tổ chức “Phong trào thi đua”, các đơn vị kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến, phổ biến sáng kiến, kinh nghiệm trong phong trào xây dựng NTM, đồng thời có hình thức biểu dương, khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu. Việc công nhận, biểu dương, khen thưởng phải đảm bảo thực chất, khách quan, qua đó tạo động lực thúc đẩy “Phong trào thi đua”, tránh hiện tượng chạy theo thành tích.

2. Kết quả thực hiện phong trào thi đua

Phong trào đã được các đơn vị thuộc Bộ và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công Thương nhiệt tình hưởng ứng, qua đó đạt được nhiều kết quả, cụ thể:

- Các đơn vị thuộc Bộ tăng cường lồng ghép các chương trình, kế hoạch thuộc nhiệm vụ Bộ Công Thương (khuyến công quốc gia, xúc tiến thương mại quốc gia...) với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, có ưu tiên cho các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần thực hiện hiệu quả các tiêu chí về nâng cao thu nhập bình quân, giảm tỷ lệ hộ nghèo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.

- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: đã sản xuất và tiêu thụ 15 triệu tấn phân bón các loại như phân lân, NPK, đạm, Urê, DAP với tổng giá trị hàng trăm tỷ đồng. Mặc dù giá cả đầu vào như điện, nước, xăng dầu, hóa chất ... đều tăng nhưng giá phân bón sản xuất trong nước tăng không đáng kể, nhiều sản phẩm phân bón còn có xu hướng giảm giá như phân Đạm, DAP. Các đơn vị đã liên kết với Hội nông dân các địa phương mở các đại lý bán phân bón cho nông dân với hình thức trả chậm không tính lãi. Năm 2016 tổng giá trị bán trả chậm cho nông dân lên tới gần 1.000 tỷ đồng. Đặc biệt là vật tư phân bón cho nông nghiệp, đảm bảo thỏa mãn 100% nhu cầu phân chứa lân, 80% nhu cầu phân NPK, góp phần bình ổn giá trong nước để hỗ trợ nông dân. Công ty CP Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao hàng năm đã cung ứng 1,4 triệu tấn phân bón cho nông nghiệp Việt Nam. Công ty đã thực hiện thành công đề tài nghiên cứu sản xuất phân bón tổng hợp NPK - S 5.10.3-8 làm phân bón lót cho cây trồng đảm bảo cho giai đoạn sinh trưởng và phát triển và phân bón hợp NPK - S 12.5.10-14 dùng bón thúc cho cây trồng mang lại hiệu quả cao, tiết kiệm nhân công, giảm chi phí. Ngoài ra còn nhiều sản phẩm hóa chất tiêu dùng thỏa mãn nhu cầu của nông dân như: Chất tẩy rửa, sơn lớp xe đạp, xe thô, xe nông cụ, máy kéo, pin ắc quy ... đã được nông dân trọng cả nước tín nhiệm và sử dụng ngày càng nhiều. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư mở rộng và xây dựng mới như Đạm Ninh Bình, DAP Hải Phòng, DAP Lào Cai, Đạm Hà Bắc, Cao Su Đà Nẵng, Cao Su Miền Nam ... đã thu hút và giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động trẻ từ khu vực nông thôn.

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam: Xây dựng hệ thống lưới điện để điện khí hóa nông thôn, đưa điện từ lưới quốc gia đến các thôn, bản đặc biệt là vùng sâu, vùng xa như các đường dây 110kv, 3,5kv

đưa điện về các tỉnh miền núi phía Bắc, các tỉnh miền Tây, miền đông Nam bộ, vùng hải đảo. Xây dựng các công trình công nghiệp phục vụ nông nghiệp như các Nhà máy thực phẩm, thức ăn gia súc ...

Sản xuất các sản phẩm phục vụ sự phát triển nông thôn như: xi măng, trụ điện, phát triển lưới điện nông thôn; Xây dựng các công trình dân dụng như trường học phổ thông, bệnh viện cho các địa phương; Xây dựng các hạng mục nhà máy công nghiệp, nhà máy đầu tư của nước ngoài nhằm công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn như Nhà máy Sam Sung Bắc Ninh, Yên Bình – Thái Nguyên. Sử dụng lao động nông nhân ngắn hạn, thời vụ trong xây dựng các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng tạo việc làm cho lao động ở các khu công nghiệp và nông thôn. Đóng góp ủng hộ quỹ xã hội từ thiện ở địa phương 1,9 tỷ đồng.

- Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam: đã phối hợp hình thành vùng cây nguyên liệu ở các tỉnh nhất là vùng núi, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chính sách định canh, định cư của đồng bào dân tộc tại các tỉnh miền núi, góp phần xóa bỏ tệ nạn buôn lậu, cờ bạc, ổn định an ninh quốc phòng tại các vùng biên giới (Gia Lai, Đắk Lắk, Tây Ninh, An Giang), cùng với địa phương từng bước xây dựng, nâng kết cấu cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống thủy lợi)

Với đặc điểm cây thuốc lá là cây trồng ngắn ngày, nên hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao đời sống cho người lao động. Mỗi hec ta thuốc lá có thể giải quyết việc làm cho hàng trăm NLD và mang lại lợi nhuận bình quân khoảng 30 triệu đồng/ha. Tổng Công ty bao tiêu, thu mua tại chỗ và thanh toán bằng tiền mặt. Chính vì vậy, đối với vùng sâu, vùng xa cây thuốc lá được đánh giá là cây xóa đói giảm nghèo đối với những hộ nghèo và là cây để làm giàu đối với những hộ nông dân có mức sống trung bình trở lên.

Từ năm 2011 đến nay, đã tổ chức mô hình thí điểm đào tạo nghề cho nông dân trồng cây thuốc lá, đã tổ chức 96 lớp, với số lượng học viên được đào tạo nghề là 2.880 người, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số. Số kinh phí được thực hiện gần 7 tỷ đồng. Đến nay Tổng Công ty đã và đang triển khai hỗ trợ các huyện Bắc Ái, Ninh Thuận và Huyện Hà Quảng Cao Bằng với số tiền 35,5 tỷ đồng.

- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam: Cung ứng xăng dầu phủ kín vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn tại các tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo bảo đảm cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân của nhân dân, đã giúp huyện Đồng Văn - Tỉnh Hà Giang xóa nghèo nhanh và bền vững theo tinh thần Nghị quyết 30a với số tiền 50 tỷ đồng. Ngoài ra các đơn vị trực thuộc Công đoàn Xăng dầu đã hỗ trợ tỉnh Kiên Giang xây 5 cầu bê tông thay thế Cầu Khi, hỗ trợ xây 7 trường mẫu giáo mầm non và Tiểu học, làm lại một số đường nông thôn với số tiền 3 tỷ đồng. Cty Xăng dầu khu vực II trao tặng 10 bộ máy tính cho huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang với số tiền 68 triệu; Cty Xăng dầu An Giang hỗ trợ làm 100 ngôi nhà cho người nghèo tỉnh Gia Lai với số tiền 3,5 tỷ đồng, xây dựng

phòng học mẫu giáo tại Đăk Trang, xã Kon Thup huyện Mang Yang với số tiền 350 triệu đồng.

- Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp: Công đoàn Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam có chính sách hỗ trợ vốn cho nông dân mua máy móc phục vụ nông nghiệp nông thôn ở đồng bằng Sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, các tỉnh miền Trung, các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh miền núi phía Bắc cho bà con nông dân với giá ưu đãi và trả tiền sau.

Năm 2017, Tổng công ty VEAM cũng đã trao tặng 102 máy cày cho hộ nông dân tại 10 tỉnh thành trong cả nước chịu thiệt hại nặng nề do mưa lũ gây ra. Tổng số tiền mua 186 máy cày năm 2018 được trích nguồn quỹ phúc lợi của VEAM và của tập thể đoàn viên công đoàn, người lao động trong Tổng công ty đóng góp.

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã hoàn thành Dự án cấp điện đến hộ đồng bào nghèo, đồng bào dân tộc của các tỉnh Bạc Liêu, Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La...; đưa điện lưới quốc gia ra các huyện đảo, Lý Sơn-Quảng Ngãi, Phú Quốc, Kiên Hải-Kiên Giang, Cô Tô-Quảng Ninh và các xã đảo Cù Lao Chàm (xã Tân Hiệp)- Quảng Nam, Lại Sơn, Hòn Nghệ, An Sơn- Kiên Giang.

- Tổng công ty Điện lực miền Trung đã đăng ký hỗ trợ đầu tư xây dựng điện nông thôn xã Trà Đông, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn 2018- 2020.

Kết quả thực hiện: Công ty Điện lực Quảng Nam (đơn vị trực thuộc Tổng công ty Điện lực miền Trung) đã thực hiện đầu tư xây dựng mới và cải tạo 0,6 km đường dây trung áp; 4,9 km đường dây hạ áp và 2 trạm biến áp với tổng công suất 200 kVA, giúp xã Trà Đông hoàn thành tiêu chí số 4 vào cuối năm 2018.

- Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đầu tư, xây dựng Nhà máy tại các tỉnh: Bắc Giang, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Hậu Giang.... tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động địa phương.

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã hỗ trợ đầu tư, xây dựng Trạm y tế, Trường Trung học cơ sở, Trường Tiểu học, Trường Mầm non, Bệnh viện, trang thiết bị phòng thí nghiệm của các Trường Trung học phổ thông thuộc các tỉnh, thành phố như: Cà Mau, Thái Bình, Thanh Hoá, Hà Nam, Quảng Bình, Hải Phòng, Nghệ An, Kiên Giang, Yên Bái, Ninh Bình, Hưng Yên, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Quảng Ngãi, Nam Định, Bến Tre, Phú Thọ, Lạng Sơn....

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng luôn quan tâm vận động các doanh nghiệp để huy động nguồn lực từ doanh nghiệp làm công tác an sinh xã hội đối với các khu vực khó khăn trên cả nước:

- Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn: Mỗi năm, Tổng công ty đã đóng góp hàng chục tỷ đồng vào các hoạt động phụng dưỡng Mẹ Việt Nam

anh hùng, các hoạt động cộng đồng hưởng ứng chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới như: hỗ trợ 4,5 tỷ đồng để xây dựng ba cây cầu giao thông nông thôn tại các Tỉnh Bình Thuận, Quảng Bình và Hà Giang.

Chỉ tính từ năm 2013 đến năm 2017, Bia Sài Gòn đã đóng góp trên 200 tỷ cho các hoạt động an sinh xã hội.

- Tổng Công ty Bia Rượu NGK Hà Nội: Trung bình hằng năm, HABECO luôn dành khoảng 5 đến 7 tỷ đồng trích từ thành tích kinh doanh để ủng hộ cho các hoạt động này. Hiện HABECO đang phụng dưỡng, chăm sóc 25 Mẹ Việt Nam Anh hùng, xây dựng được hàng chục căn nhà tình nghĩa, ủng hộ quần áo, gạo cho người nghèo và gia đình chính sách tại các địa phương như: Hà Nội, Hà Giang, Quảng Ninh, Quảng Bình, Quảng Trị, Nghệ An,... HABECO đã nhận phụng dưỡng 10 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, thân nhân liệt sĩ tại Quảng Bình và Quảng Trị.

Ngoài ra, các Tập đoàn, Tổng công ty còn thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo thông qua các phong trào nhận đỡ đầu, kết nghĩa với các huyện nghèo như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam đỡ đầu 3 huyện Tân Uyên, Thuận Uyên và Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam đỡ đầu huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội đỡ đầu huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đỡ đầu huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam đỡ đầu huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn và huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang; Tổng công ty Giấy Việt Nam đỡ đầu huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang và huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La... với số kinh phí 885 tỷ đồng, vượt trên 30% so với cam kết (cam kết 673 tỷ đồng). Các nội dung hỗ trợ an sinh xã hội chủ yếu là: Hỗ trợ xây dựng hạ tầng giáo dục như trường học, mẫu giáo,... (chiếm trên 70% tổng kinh phí); tiếp đến là đường giao thông (chiếm khoảng 10% tổng kinh phí) và hạ tầng y tế (khoảng 8% tổng kinh phí). Ngoài ra, số kinh phí này cũng được sử dụng để hỗ trợ xây nhà ở, xóa nhà ở tạm cho đồng bào dân tộc, hỗ trợ cấp nước sạch, hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề và một số nội dung hỗ trợ khác.

Tại các địa phương trong cả nước, trong quá trình triển khai, đã có nhiều mô hình tiên tiến, cách làm hay về phát triển điện nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn nổi bật như:

- Đề thuận lợi cho công tác đầu tư phát triển điện và tranh thủ xây dựng các đề án nhằm tìm nguồn vốn đầu tư cho lưới điện nông thôn khu vực vùng sâu, vùng xa, nhiều Sở Công Thương đã bàn giao toàn bộ hệ thống lưới điện nông thôn cho ngành điện quản lý; Lòng ghép các nguồn vốn hiện có của ngân sách trung ương, vốn đối ứng của tỉnh, vốn kết dư từ thu vượt chi của UBND các huyện, thị xã, vốn ngành điện phân bổ hàng năm để đầu tư phát triển hệ thống lưới điện cho các xã lựa chọn xây dựng nông thôn mới

- Việc đầu tư xây dựng những dự án điện áp mái với quy mô công suất vừa, nhỏ và siêu nhỏ nhằm mục đích sản xuất ra điện tự phục vụ nhu cầu

dùng điện cho gia đình, nếu điện năng dư sẽ bán lại cho ngành điện cũng là mô hình mang lại hiệu quả thiết thực cho mọi hộ dân hiện đang được triển khai tại nhiều địa phương trên cả nước.

- Tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố phê duyệt kế hoạch chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ sang doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý gắn với xây dựng chợ đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Xây dựng và triển khai các mô hình liên kết tiêu thụ nông sản: Đồng Tháp xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ lúa xuất khẩu, cá điêu hồng, nhãn và mô hình liên kết chuỗi sản xuất chế biến xuất khẩu lúa và cá tra; Bắc Giang xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thịt lợn, nấm, rau an toàn và mỳ Chũ; Đồng Nai, Tây Ninh, Thái Bình triển khai dự án xây dựng mô hình thí điểm Doanh nghiệp – Hợp tác xã – Nông dân tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp...

- Các Sở Công Thương nhận đỡ đầu các xã trong xây dựng nông thôn mới (Sở Công Thương Bắc Kạn đỡ đầu 01 xã, Sở Công Thương Hà Tĩnh đỡ đầu 05 xã...)

- Xây dựng và triển khai mô hình thí điểm bán hàng Việt với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”, xây dựng các điểm bán hàng Việt tại khu vực nông thôn, tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, đưa các mặt hàng đặc sản của địa phương vào hệ thống phân phối lớn, như: Quảng Ngãi, Đồng Tháp, An Giang, Điện Biên, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, Quảng Trị...

- Triển khai vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương ký cam kết không kinh doanh hàng hóa nhập lậu, không sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa không đảm bảo chất lượng và không đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Kêu gọi ủng hộ về vật chất để xây dựng thực hiện Chương trình: Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn kêu gọi mỗi cán bộ, Đảng viên và người lao động trong toàn đơn vị cùng chung tay, góp sức mỗi năm ủng hộ 01 ngày lương vào Quỹ hỗ trợ xây dựng nông thôn mới của Sở Công Thương; Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn hỗ trợ 600 bóng đèn compact tiết kiệm điện trị giá 21.000.000 đồng, tặng 50 xuất quà trị giá 10.000.000 đồng cho các hộ nghèo, gia đình chính sách; Sở Công Thương tỉnh Thái Bình phát động phong trào CBCCVC-NLĐ ngành Công Thương ủng hộ ít nhất mỗi người một ngày lương để ủng hộ xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà 20.000.000 đồng và xã An Dục, huyện Quỳnh Thụ 22.000.000 đồng trong việc xây dựng nông thôn mới...

Với những thành tích đã đạt được trong giai đoạn 2010-2020, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã tặng bằng khen cho 306 cá nhân, 105 tập thể, tặng 58 cờ thi đua cho những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào “Ngành Công Thương chung sức xây dựng nông thôn mới”.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI (TIÊU CHÍ SỐ 4 VÀ SỐ 7)

1. Mục tiêu đặt ra trong giai đoạn 2010-2020

1.1. Mục tiêu được Chính phủ giao tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Tiêu chí số 4 (Điện nông thôn): Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn. Đến năm 2020, có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện.

- Tiêu chí số 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn): Hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu của người dân. Đến năm 2020, có 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

1.2. Mục tiêu của Bộ Công Thương tại Kế hoạch triển khai thực hiện tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7 thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 6286/QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ Công Thương:

- Về tiêu chí số 4 (Điện nông thôn):

+ Đến năm 2015: Có 7.709 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 85% tổng số xã trên địa bàn cả nước. Trong đó, phần đầu đạt 98% tỷ lệ hộ có điện sử dụng thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 85,06% số xã đạt tiêu chí về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện (tăng 2.311 xã so với năm 2010);

+ Đến năm 2020: Có 8.624 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm có 95,16%. Trong đó, phần đầu có 95% số xã đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện (tăng 3.226 xã so với năm 2010 và tăng 915 xã so với năm 2015).

- Về tiêu chí số 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn):

+ Đến năm 2015: Phần đầu có 3.203 xã đạt tiêu chí số 7 về chợ nông thôn, chiếm 35% tổng số xã trên địa bàn cả nước (tăng 1860 xã so với năm 2010);

+ Đến năm 2020: Phần đầu có 4.526 xã đạt tiêu chí số 7 về chợ nông thôn, chiếm 50% tổng số xã trên địa bàn cả nước (tăng 1.323 xã so năm 2015).

2. Những kết quả đạt được

2.1. Đối với tiêu chí số 4 về điện

a) Công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống điện

Trong giai đoạn 2010-2020, Bộ Công Thương đã xây dựng và triển khai Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, điều chỉnh Quy hoạch phát triển

điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 làm cơ sở xây dựng quy hoạch điện lực tại địa phương. Đến nay, đa số Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong cả nước tham mưu UBND tổ chức lập Quy hoạch hệ thống điện trên địa bàn tỉnh, thành phố gồm các giai đoạn 2011 – 2015 có xét đến năm 2020 và giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 để chuẩn xác lưới điện nông thôn đến từng thôn, xã; xác định rõ quy mô, tiến độ cải tạo lưới điện trung thế để tiết kiệm vốn đầu tư và giảm tổn thất điện năng khu vực nông thôn; đồng thời để hoàn thiện đồng bộ với quy hoạch hạ tầng nông thôn các xã xây dựng nông thôn mới.

b) Kết quả về huy động nguồn lực thực hiện tiêu chí

Trong 10 năm qua, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các đơn vị thành viên đã thực hiện các chương trình xây dựng mới và cải tạo nâng cấp lưới điện trung hạ thế nông thôn nhằm mở rộng diện cấp điện, nâng cao chất lượng cung cấp điện, đáp ứng đủ, kịp thời nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, sinh hoạt và đảm bảo vận hành an toàn ổn định lưới điện của dân cư khu vực nông thôn, từ nhiều nguồn vốn khác nhau gồm:

- Vốn ODA do EVN vay của các tổ chức và ngân hàng quốc tế như: Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á, Cơ quan Phát triển Pháp, Ngân hàng Tái thiết Đức, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản... với tổng giá trị gần 2 tỷ USD, đây là nguồn vốn chủ yếu phục vụ phát triển, cải tạo, nâng cấp mở rộng lưới điện nông thôn tại Việt Nam trong giai đoạn này nhằm nâng cao độ an toàn, ổn định, cũng như chất lượng cung cấp điện. Lưới điện nông thôn được cải thiện rõ rệt, đáp ứng tiêu chí số 4 về chất lượng cung cấp điện phục vụ phát triển sản xuất sinh hoạt cho gần 02 triệu hộ dân nông thôn.

- Vốn Ngân sách nhà nước và vốn của EVN thực hiện các dự án: (1) Cấp điện cho các hộ dân chưa có điện tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và biên giới nhằm góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, đảm bảo an ninh trật tự xã hội tại các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Bắc Kạn, Nghệ An, Lạng Sơn, Khánh Hòa, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, Cà Mau, Kiên Giang với tổng giá trị hơn 5.500 tỷ đồng, cấp điện lưới cho 369 xã và gần 400.000 hộ dân nông thôn chưa có điện. (2) Trong giai đoạn này, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ, Bộ Công Thương và các Bộ ngành liên quan, EVN đã tập trung nguồn vốn đầu tư hệ thống điện cung cấp cho các huyện đảo, xã đảo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường và đặc biệt là góp phần giữ vững an ninh chủ quyền biển đảo. EVN đã đầu tư cấp điện lưới quốc gia bằng đường dây trên không và cáp ngầm xuyên biển ra các huyện đảo Cô Tô (Quảng Ninh), Phú Quốc, Kiên Hải (Kiên Giang), Lý Sơn (Quảng Ngãi) và các xã đảo Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Lại Sơn, Hòn Nghệ, Sơn Hải, Hòn Tre (tỉnh Kiên Giang), Quan Lạn, Minh Châu, Cái Chiên, Bản Sen, Ngọc Vũng, Thắng Lợi (tỉnh Quảng Ninh), xã đảo Thạnh An (TP. Hồ Chí Minh)... Với tổng giá trị vốn đầu tư hơn 6.100 tỷ đồng, cấp điện cho hơn 140.000 hộ dân trên các đảo; Thực hiện việc cải tạo nâng cấp

lưới điện hạ áp nông thôn cho gần 6.000 xã sau khi tiếp nhận từ các tổ chức quản lý điện địa phương, bình quân 3 tỷ đ/xã.

Kết quả huy động nguồn lực giai đoạn 2016-2019 đạt 81.700 tỉ đồng, gấp 1,6 lần so với vốn đầu tư giai đoạn 2011-2015 (giai đoạn 2011-2015 là 50.100 tỉ đồng).

c) Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện

- *Đối với công tác đảm bảo cung ứng điện cho hệ thống điện quốc gia:* Hàng năm, Bộ Công Thương đều chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tính toán, lập kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện trên cơ sở nhu cầu điện cho phát triển kinh tế-xã hội và các thông số đầu vào khác. Trên cơ sở báo cáo của EVN, Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch cung cấp điện, vận hành hệ thống điện và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị để chủ động thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo cung ứng điện phục vụ sản xuất-kinh doanh và đời sống sinh hoạt của người dân.

- *Đối với công tác đảm bảo cung ứng đủ điện cho sản xuất nông nghiệp:* Trong thời gian qua, các đơn vị ngành điện đã nỗ lực, tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình lưới điện phục vụ đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế-xã hội nói chung và cho phát triển sản xuất ngành nông nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, việc phát triển nông nghiệp ô ạt, thiếu quy hoạch đồng bộ tại một số địa phương (như trồng thanh long ở tỉnh Bình Thuận, nuôi trồng thủy hải sản ở một số tỉnh Tây Nam Bộ) dẫn tới tình trạng lưới điện khu vực bị quá tải cục bộ và không đảm bảo chất lượng điện năng trong các thời điểm cao điểm của mùa vụ sản xuất.

- *Đối với công tác cấp nước của các hồ thủy điện phục vụ sản xuất nông nghiệp:* Hàng năm, Bộ Công Thương đều đơn đốc, chỉ đạo EVN, Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia và các đơn vị phát điện thực hiện các đợt xả nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân khu vực Trung du và đồng bằng Bắc bộ theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn các tỉnh xác định các thời điểm cần nước để tưới tiêu trước khi lập kế hoạch và huy động các hồ thủy điện nhằm đảm bảo nhiệm vụ phát điện, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và góp phần đầy mặ n tại nhiều địa phương khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ, các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.

Đối với công tác cấp điện nông thôn: Có thể chia thành 2 giai đoạn, cụ thể như sau:

* Giai đoạn 2010-2015: Đây là giai đoạn mà công tác xây dựng lưới điện nông thôn được phát triển cả chiều rộng và chiều sâu sử dụng chủ yếu nguồn vốn ODA của EVN vay các tổ chức tài trợ quốc tế để thực hiện cải tạo, phát triển cấp điện đến khu vực nông thôn khó khăn, khu vực miền núi và hải đảo, đồng thời củng cố hoàn thiện dần lưới điện ở những nơi đã có điện để đảm bảo cấp điện an toàn cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với việc đầu tư cải tạo, xây dựng lưới điện nông thôn, ngành điện tiếp tục thực hiện

việc tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn từ các Tổ chức quản lý điện địa phương không đủ năng lực quản lý và bán điện trực tiếp tới các hộ dân nông thôn, người dân nông thôn được mua điện theo đúng giá do Chính phủ qui định.

Tính đến tháng 12/2010 cả nước còn:

- Số xã chưa được cấp điện: 57 xã;
- Số thôn, bản chưa được cấp điện (khoảng): 12.140 thôn, bản;
- Số hộ dân chưa được cấp điện (khoảng): 1.288.900 hộ dân.

Đến tháng 12/2015:

- + Số xã được cấp điện: 40 xã;
- + Số thôn, bản được cấp điện (khoảng): 2.500 thôn, bản;
- + Số hộ dân được cấp điện từ điện lưới quốc gia khoảng: 140.800 hộ dân.

Đến cuối năm 2015, trên cả nước số xã có điện đạt 99,8%, số hộ dân nông thôn được sử dụng điện đạt 98,76%. Tỷ lệ có điện tại khu vực các tỉnh miền núi Tây Bắc đạt 99,7% về số xã và 90,88% số hộ dân nông thôn; các tỉnh Tây Nguyên là 99,83% số xã và 95,8% số hộ dân; khu vực Tây Nam bộ là 98,85% số xã và 97,27% số hộ dân. EVN đã cơ bản hoàn thành công tác tiếp nhận lưới điện hạ áp tổng cộng tại 5.466 xã, bán điện trực tiếp cho trên 7,5 triệu hộ sử dụng điện nông thôn và đã đầu tư bình quân một xã 1,5 tỷ đồng để cải tạo tối thiểu lưới điện sau khi tiếp nhận để quản lý vận hành an toàn.

* Giai đoạn 2016-2019:

- + Số xã chưa được cấp điện còn: 17 xã;
- + Số thôn, bản chưa được cấp điện: 9.640 thôn, bản;
- + Số hộ dân chưa được cấp điện từ điện lưới quốc gia (khoảng): 1.126.800 hộ;
- + Số hộ dân chưa được cấp điện từ nguồn điện ngoài lưới điện quốc gia (khoảng): 21.000 hộ.

Đây là giai đoạn khó khăn nhất của quá trình thực hiện, do các hộ còn lại thuộc các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, địa hình hiểm trở nên đường dây không thể đến được. Thực hiện Nghị định số 73/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 của Chính phủ, Bộ Công Thương đã trình và được Chính phủ phê duyệt Chương trình cấp điện nông thôn miền núi hải đảo giai đoạn 2016-2020 trong đó đã sử dụng được nguồn vốn không hoàn lại của Liên minh Châu Âu với tổng vốn khoảng 108 triệu euro để thực hiện đầu tư cấp điện cho khu vực nông thôn (hiện nay đã hòa vào ngân sách được 40 triệu euro).

Cùng với việc đầu tư xây dựng, phát triển lưới điện khu vực nông thôn, Bộ Công Thương cũng chỉ đạo EVN tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp nhận

lưới điện hạ áp nông thôn từ các Tổ chức quản lý điện địa phương không đủ năng lực quản lý, cung cấp điện trực tiếp tới các hộ dân nông thôn, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện phục vụ phát triển sản xuất, sinh hoạt chất lượng, an toàn, ổn định, mua điện theo giá bán điện do Chính phủ quy định và sử dụng các dịch vụ khách hàng do EVN cung cấp. Đến cuối năm 2018, EVN đã tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn bán điện trực tiếp của gần 6.000 xã, với hơn 6,2 triệu hộ dân và tiến hành cải tạo lưới điện của các xã sau tiếp nhận với tổng chi phí khoảng 8.000 tỷ đồng.

Song song với việc tiếp nhận quản lý bán điện trên đất liền, EVN đã hoàn thành việc tiếp nhận quản lý và bán điện tại 11/12 huyện đảo gồm: Vân Đồn, Cô Tô (Quảng Ninh), Cát Hải, Bạch Long Vĩ (Hải Phòng), Cồn Cỏ (Quảng Trị), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Phú Quý (Bình Thuận), Trường Sa (Khánh Hòa), Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu), Phú Quốc, Kiên Hải (Kiên Giang), đảm bảo cấp điện ổn định, liên tục 24/24h đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện phục vụ cho người dân trên các đảo, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh chính trị và xã hội.

Từ khi tiếp nhận bán điện trực tiếp, EVN đã bù lỗ gần 1.500 tỷ đồng cho các huyện đảo, xã đảo sử dụng nguồn điện Diesel tại chỗ có giá thành sản xuất điện cao hơn rất nhiều so với giá bán điện đến các hộ dân. Cấp điện cho các hộ dân nông thôn, miền núi và hải đảo đã tạo động lực xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần thực hiện công bằng, an sinh xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ổn định chính trị, giữ vững an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biển đảo của Tổ quốc; tạo điều kiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất của người dân khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo.

d) Kết quả thực hiện tiêu chí

Sau khi Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2016 về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, hầu hết UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết một số nội dung thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn giai đoạn 2017-2020. Vì vậy, đến nay, các địa phương đã có được sơ sở và phương pháp đánh giá thống nhất để thẩm định và xét công nhận cho các xã đạt tiêu chí về điện nông thôn.

Qua rà soát, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện Tiêu chí số 4 của các địa phương, đến nay, cả nước có 8.902 xã trong đó có 8.072 xã đạt Tiêu chí số 4 chiếm 90,7% tổng số xã của cả nước, *tăng 45,94% so với năm 2010 và tăng 8,32% so với thời điểm năm 2015*. Trong đó, các vùng có tỷ lệ xã đạt tiêu chí số 4 cao là: Đồng bằng sông Hồng đạt 99,9% (*tăng 35,72% so với năm 2010 và 3,36% so với năm 2015*); khu vực Bắc Trung Bộ đạt 95,5% (*tăng 51,43% so với năm 2010 và 6,56% so với năm 2015*); vùng duyên hải Nam Trung Bộ đạt 96,4% (*tăng 45,5% so với năm 2010 và 6,19% so với năm 2015*); vùng

Đông Nam Bộ đạt 90,1% (tăng 35,94% so với năm 2010 và 4,65% so với năm 2015).

Các tỉnh, thành phố đạt tỷ lệ 100% tổng số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới về tiêu chí điện, gồm: Thái Nguyên, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Đà Nẵng, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang (Chi tiết tại phụ lục số 3).

2.2. Đối với tiêu chí số 7

a) Công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Bộ Công Thương đã xây dựng và triển khai nhiều quy hoạch quan trọng có liên quan tới phát triển hạ tầng thương mại như: Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến 2020 và tầm nhìn đến 2030; Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm hội chợ triển lãm trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Ngoài ra, còn có các quy hoạch liên quan đến hạ tầng thương mại các vùng đã được phê duyệt và triển khai thực hiện như: Quy hoạch phát triển thương mại Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển thương mại Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quy hoạch phát triển thương mại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quy hoạch phát triển thương mại vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển thương mại Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030...

Về phía địa phương, các Sở Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành các Quy hoạch phù hợp với từng thời kỳ, nhằm định hướng phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn một cách đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc lưu thông hàng hóa của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các tỉnh. Đến nay, hầu hết các tỉnh đã có quy hoạch phát triển chợ, một số tỉnh đã có quy hoạch siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng xăng dầu,... có khoảng 35 tỉnh, thành phố đã ban hành các quy định về quy trình đầu tư và chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng chợ; Quy định quy trình chuyển đổi hình thức tổ chức quản lý kinh doanh chợ trên địa bàn.

Mạng lưới chợ phát triển theo quy hoạch, hạn chế được tình trạng tự phát tại các địa phương, từng bước được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Các hình thức hạ tầng bán lẻ hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại có sự tăng trưởng nhanh chóng, tập trung chủ yếu ở các đô thị và thu hút đầu tư từ các

doanh nghiệp nước ngoài. Chợ truyền thống tuy tốc độ gia tăng chững lại nhưng vẫn duy trì được cạnh tranh với các kênh phân phối hiện đại, với lưu lượng hàng hóa bình quân chiếm từ 35-40% (qua hệ thống phân phối hiện đại trung bình từ 22-25%).

b) Kết quả về huy động nguồn lực thực hiện tiêu chí

Trong giai đoạn qua, các chợ ở các xã thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các tỉnh chủ yếu được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây mới từ nguồn ngân sách của địa phương, và nguồn vốn xã hội hóa, không có vốn từ nguồn ngân sách Trung ương. Tuy nhiên, thực hiện chủ trương xã hội hoá đầu tư phát triển hạ tầng thương mại còn gặp nhiều khó khăn, nhất là ở địa bàn nông thôn, miền núi. Việc đầu tư nước ngoài chủ yếu phát triển các loại hạ tầng thương mại văn minh, hiện đại ở các thành phố lớn, còn chợ và địa bàn nông thôn chưa có đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài (do quy mô nhỏ, sinh lợi ít...)

Ngân sách của địa phương còn hạn chế nhưng nhiều tỉnh đã quan tâm chỉ đạo và dành ngân sách xây dựng quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn nói chung và địa bàn nông thôn nói riêng, như: Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hòa Bình, Hưng Yên, Thái Bình, Tiền Giang, Trà Vinh..., các tỉnh tích cực huy động nguồn vốn xã hội hóa như: Tuyên Quang, Điện Biên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Ninh Thuận, Gia Lai, Bình Phước, Cần Thơ, Kiên Giang...

Một số địa phương quan tâm dành nguồn ngân sách địa phương vào việc cải tạo, nâng cấp và xây dựng chợ trong giai đoạn qua như Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hòa Bình, Hưng Yên, Thái Bình, Tiền Giang, Trà Vinh, Tuyên Quang, Điện Biên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Ninh Thuận, Gia Lai, Bình Phước, Cần Thơ, Kiên Giang..

c) Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu của người dân

* *Về hệ thống chợ nông thôn:* Những năm qua, số lượng chợ xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp tiếp tục tăng với sự đa dạng về loại hình và cấp độ chợ (chợ đầu mối nông sản tại các địa phương; chợ chuyên doanh; chợ đầu mối bán buôn một hoặc một số mặt hàng nhất định; chợ hoa-sinh vật cảnh; chợ văn hóa-du lịch; chợ ẩm thực...).

Tính đến cuối năm 2018, cả nước có khoảng 8.475 chợ; trong đó có 299 chợ hạng I, chiếm tỷ lệ 3,5%; 903 chợ hạng II chiếm tỷ lệ 10,7%; 7.205 chợ hạng III (trong đó có khoảng 1.533 chợ tạm) chiếm tỷ lệ 85,0% và có 61 chợ đầu mối nông sản cấp vùng và cấp tỉnh; 138 chợ chưa phân hạng.

Riêng trong giai đoạn 2011-2018, cả nước đã xây mới trên 860 chợ; cải tạo nâng cấp trên 1.600 chợ (các loại chợ được xây dựng mới và được cải tạo nâng cấp chủ yếu là chợ hạng III). Các chợ xây dựng mới chủ yếu ở các khu đô thị mới, còn tại các khu đô thị cũ, phần lớn là chợ cũ được nâng cấp cải

tạo, một số chợ không còn phù hợp đã được di dời... Nguồn vốn đầu tư xây dựng chợ chủ yếu từ nguồn xã hội hóa.

Trong tổng số chợ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, số chợ đạt hiệu quả chiếm khoảng 97%. Tính chung trên các địa bàn, giá trị hàng hóa dịch vụ qua hệ thống chợ chiếm 35%-40%, góp phần không nhỏ vào việc tiêu thụ nông sản hàng hóa, đẩy mạnh sản xuất và phục vụ đời sống sinh hoạt của dân. Tổng số người buôn bán tại các chợ khoảng trên 2 triệu người. Riêng các chợ ở khu vực nông thôn, số lượng người buôn bán thường xuyên, cố định chiếm khoảng 47%, còn lại là người bán hàng không thường xuyên (bao gồm cả những người sản xuất trực tiếp bán sản phẩm tự sản xuất).

Ở địa bàn nông thôn: Hiện có khoảng 6.387 chợ (chiếm 75,3% tổng số chợ) gắn bó mật thiết với sản xuất và đời sống của nông dân. Các doanh nghiệp và hộ gia đình ở nông thôn tiêu thụ sản phẩm của mình chủ yếu thông qua chợ. Hiện tại, thị phần chợ ở địa bàn nông thôn chiếm từ 50%-70%. Ở địa bàn thành thị hiện có 2.089 chợ (chiếm 24,6% tổng số chợ).

** Về hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại:*

Cùng với mạng lưới chợ, các loại hình hạ tầng thương mại bán buôn, bán lẻ hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại đã được quan tâm đầu tư và có sự tăng trưởng nhanh chóng, tập trung chủ yếu ở các đô thị và thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài.

Đến hết 31 tháng 12 năm 2018, trên địa bàn cả nước có 1.007 siêu thị. Bao gồm: 167 siêu thị hạng 1; 230 siêu thị hạng 2; 610 siêu thị hạng 3 và 44 siêu thị chưa phân hạng. Phân theo loại hình kinh doanh: 513 siêu thị tổng hợp, 284 siêu thị chuyên doanh;

Cả nước có 212 trung tâm thương mại. Bao gồm: 48 trung tâm thương mại hạng 1; 20 trung tâm thương mại hạng 2; 141 trung tâm thương mại hạng 3 và 03 trung tâm thương mại chưa phân hạng.

d) Kết quả thực hiện tiêu chí

Công tác phát triển và quản lý cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn tại các địa phương đã nhận được sự quan tâm đúng mức của chính quyền. Việc đầu tư xây dựng, nâng cấp về cơ bản đáp ứng được nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa phục vụ đời sống cho nhân dân vùng nông thôn. Bên cạnh đó, Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn được ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đánh giá xã đạt tiêu chí một cách cụ thể và rõ ràng hơn.

Qua rà soát, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện Tiêu chí số 7 của các địa phương, đến nay, cả nước có 8.902 xã trong đó có 7.867 xã đạt Tiêu chí số 7 chiếm 88,4% tổng số xã của cả nước, *tăng 75,7% so với năm 2010 và tăng 30,45% so với thời điểm năm 2015*. Trong đó, các vùng có tỷ lệ xã đạt tiêu chí

số 7 cao là: Đồng bằng sông Hồng đạt 97,2% (tăng 80,86% so với năm 2010 và 18,62% so với năm 2015); khu vực duyên hải Nam Trung Bộ đạt 87,6% (tăng 75,48% so với năm 2010 và 23,03% so với năm 2015); vùng Đông Nam Bộ đạt 90,3% (tăng 69,62% so với năm 2010 và 21,44% so với năm 2015).

Các tỉnh, thành phố đạt tỷ lệ 100% tổng số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới về tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, gồm: Hải Phòng, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ (Chi tiết tại phụ lục số 4).

VI. CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Trong 10 năm qua, Bộ đã nghiên cứu, xây dựng các nhiệm vụ KHCN và các văn bản, lồng ghép vấn đề về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đặc biệt là các nhiệm vụ nhằm nâng cao giá trị gia tăng, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn... và đã đạt được những kết quả khả quan. Khoa học và công nghệ của ngành Công Thương phục vụ nông nghiệp, nông dân, nông thôn được chia thành 2 nhóm vấn đề chính:

1. Khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nuôi trồng, sản xuất, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp, gồm các hoạt động:

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ mới đặc biệt là công nghệ sinh học phục vụ hoạt động nuôi trồng, bảo quản, sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp: Các nghiên cứu và dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn luôn chiếm tỷ trọng lớn. Trong giai đoạn từ 2008-2018 với tổng kinh phí triển khai Đề án khoảng trên 560 tỷ đồng (trong đó: ngân sách nhà nước đầu tư xấp xỉ 289 tỷ đồng, chiếm khoảng 51%), phân bổ cho 131 đề tài, dự án trong đó có trên 61% các đề tài, dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Kết quả của các đề tài, dự án này đã đi vào giải quyết những vấn đề có tính chất căn cơ của ngành nông nghiệp như chất lượng, giá thành, tiêu thụ sản phẩm... cụ thể kết quả thực hiện như sau:

(1) Thực hiện việc đa dạng hóa các sản phẩm đầu ra, tạo ra các sản phẩm chế biến mới có giá trị cao, giúp gia tăng giá trị của các sản phẩm nông nghiệp, đồng thời tăng tính chủ động trong việc giải quyết vấn đề tiêu thụ sản phẩm của ngành nông nghiệp, hạn chế tình trạng cung vượt quá cầu hay “được mùa mất giá” trong ngắn hạn của nhiều sản phẩm của ngành nông nghiệp thời gian qua;

(2) Thực hiện nghiên cứu và khai thác các giá trị thương mại cao từ các nguồn nguyên liệu truyền thống, gia tăng giá trị cho các sản phẩm nông nghiệp;

(3) Tập trung nghiên cứu hướng tới việc nâng cao chất lượng và hạ giá thành các sản phẩm nông sản, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, hỗ trợ người nông dân phát triển sản xuất đối với các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương;

(4) Nghiên cứu hướng tới đảm bảo chủ động sản xuất thức ăn phục vụ hoạt động nuôi trồng thủy hải sản, thức ăn chăn nuôi có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh và thay thế các sản phẩm nhập ngoại cùng loại trên thị trường.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực cơ khí máy móc phục vụ nông nghiệp: Hiện nay, thị trường sản xuất máy móc nông nghiệp hiện bị chi phối bởi máy nhập khẩu từ Trung Quốc, với tỷ lệ lên tới với 60%, các doanh nghiệp trong nước mới chỉ có khả năng cung cấp 20-30%, còn lại là các loại máy móc nhập khẩu (mới hoặc đã qua sử dụng) của Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Nga. Trong các chủng loại máy móc sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, các loại máy phục vụ khâu chế biến và bảo quản sau thu hoạch có nhu cầu khá cao và ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng nông sản lại ít được sản xuất. Việc thiếu các loại máy chế biến và bảo quản nông sản ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng nông sản sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, đối với các địa bàn kinh tế khó khăn, vùng cao, vùng xa, nhu cầu về máy móc phục vụ nông nghiệp của bà con nông dân nhằm nâng cao chất lượng, đồng thời đảm bảo cạnh tranh về chi phí là rất lớn.

Đây là yêu cầu đặt ra đối với hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương thời gian qua. Góp phần vào việc giải quyết các tồn tại này, Bộ Công Thương đã đẩy mạnh hỗ trợ một số Viện nghiên cứu chuyên ngành như Viện Máy và dụng cụ công nghiệp (Viện IMI), Viện Nghiên cứu thiết kế chế tạo Máy nông nghiệp triển khai các nhiệm vụ về nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và thương mại hóa các dây truyền, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại tương đương khu vực và thế giới với giá thành cạnh tranh.

2. Khoa học và công nghệ ngành Công Thương phục vụ phát triển thương mại nông thôn, thúc đẩy xuất khẩu, tiếp cận thị trường cho sản phẩm nông nghiệp

Bên cạnh ưu tiên cho các nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến trong lĩnh sản xuất, chế biến nông nghiệp, Bộ Công Thương cũng đặc biệt quan tâm tới các nghiên cứu nhằm hoàn thiện các chính sách thương mại, thúc đẩy xuất khẩu, phát triển, mở rộng thị trường cho các sản phẩm nông sản.

Trong cơ cấu chi nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ, nhóm các nhiệm vụ, đề tài về chiến lược, chính sách thương mại thường chiếm từ khoảng 5%; tập trung vào các nhóm vấn đề như:

(1) Nghiên cứu, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại song phương và đa phương, đồng thời nghiên cứu, đề xuất giải pháp nhằm tận dụng các cơ hội thúc đẩy thương mại, đầu tư từ các Hiệp định này;

(2) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu, xúc tiến thương mại cho từng nhóm mặt hàng tới từng khu vực và quốc gia trên thế

giới, đồng thời, nghiên cứu, cung cấp thông tin hỗ trợ tiếp cận thị trường cho các sản phẩm xuất khẩu trong nước;

(3) Nghiên cứu, đề xuất chính sách nhằm phát triển thị trường trong nước.

Là nhóm mặt hàng có tỷ trọng cả về số lượng lẫn chủng loại xuất khẩu lớn, do đó, trong thời gian vừa qua, các nghiên cứu về chính sách thương mại phục vụ phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chiếm một tỷ trọng không nhỏ. Bên cạnh những nghiên cứu về chính sách thương mại chung, các đề tài trực tiếp liên quan tới lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chiếm từ 10-15%. Các kết quả nghiên cứu từ các đề tài này đã cung cấp luận cứ quan trọng cho Bộ Công Thương cũng như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoạch định các chính sách hỗ trợ việc thúc đẩy thị trường, thương mại các sản phẩm nông sản. Các nhóm nhiệm vụ nghiên cứu tập trung vào một số nội dung như: Đề xuất định hướng, giải pháp phát triển thương mại tại làng nghề Việt Nam; phát triển thị trường bán lẻ hàng tiêu dùng ở nông thôn Việt Nam thời kỳ 2010 – 2020; tổ chức mạng lưới kinh doanh theo ngành hàng trên địa bàn nông thôn; Chính sách mở rộng khả năng cung ứng hàng Việt Nam đến các vùng sâu, vùng xa...

Một hướng nghiên cứu khác của ngành Công Thương nhằm hỗ trợ phát triển thị trường, thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản và thủy sản như: Nghiên cứu đặc điểm của một số thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản, trái cây, cà phê, thủy sản, đồ gỗ... như Trung Quốc, Ấn Độ... để tìm kiếm khả năng xuất khẩu, tham gia các sàn giao dịch hàng nông sản trên thế giới, tham gia vào chuỗi giá trị hàng nông sản toàn cầu (GVC) thông qua các công ty xuyên quốc gia nhằm phát triển bền vững xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam.

V. KẾT QUẢ HỖ TRỢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ TỔ CHỨC SẢN XUẤT, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, TĂNG THU NHẬP

Bên cạnh những kết quả đã đạt được về tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7 thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, một số hoạt động khác của Bộ Công Thương cũng đã có những tác động, hỗ trợ tích cực trong xây dựng tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động có việc làm và tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất, các hoạt động cụ thể:

1. Hoạt động khuyến công

Tổng kinh phí từ ngân sách bố trí cho hoạt động khuyến công quốc gia và khuyến công của 63 tỉnh, thành phố trong năm (2010-2019) là 2.237,65 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí khuyến công quốc gia là 881,74 tỷ đồng, chiếm 39,4%; kinh phí khuyến công địa phương là 1.355,91 tỷ đồng, chiếm 60,6%.

Kết quả thực hiện các đề án hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn qua hoạt động khuyến công, phát triển cụm công nghiệp đã góp phần xóa

đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội nông thôn, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, cụ thể:

- Về hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề và nâng cao tay nghề: Tổ chức đào tạo nghề cho khoảng 365.000 lao động, với kinh phí thực hiện là 361,665 tỷ đồng, chiếm 16,16% tổng kinh phí khuyến công thực hiện được. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo trung bình đạt trên 90% tập trung ở các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) có nhu cầu đổi mới sản phẩm, mở rộng sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động tại nông thôn.

- Về hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở CNNT: Đào tạo hơn 72.00 lượt người về khởi sự và nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ quản lý, điều hành tại các cơ sở CNNT, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động tại nông thôn, với tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn khuyến công thực hiện được là 119.18 tỷ đồng, chiếm 5,32% tổng kinh phí khuyến công thực hiện được.

- Về hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật: Giai đoạn từ năm 2010 -2019, hỗ trợ cho 5.922 cơ sở CNNT sử dụng nhiều lao động và nguyên vật liệu tại chỗ ở nông thôn với kinh phí hỗ trợ là 846,46 tỷ đồng, chiếm 37,8% tổng kinh phí khuyến công thực hiện được. Một số ngành nghề được tập trung hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến gồm: khuyến khích cơ giới hoá trong sản xuất tiêu thụ công nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; khuyến khích các cơ sở công nghiệp đầu tư chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất, gia công, sửa chữa cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; đầu tư xử lý nước thải, rác thải trong các cụm công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp chế biến thực phẩm;...

- Về hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu: Hỗ trợ gần 15.000 lượt CSCNNT tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, xây dựng thương hiệu để bán sản phẩm, giới thiệu ký kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm do chính các cơ sở CNNT sản xuất, với tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện được từ nguồn kinh phí khuyến công là 351,48 tỷ đồng, chiếm 15,7% tổng kinh phí khuyến công thực hiện được.

Trong giai đoạn 2012-2019 có 807 sản phẩm được tôn vinh và trao giải sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (SPCNNTTB) cấp khu vực tại 3 miền Bắc-Trung-Nam, có 312 sản phẩm được tôn vinh và trao giải SPCNNTTB cấp quốc gia cả nước nhằm phát hiện và tôn vinh được các sản phẩm công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp đặc trưng, đồng thời có kế hoạch hỗ trợ và nuôi dưỡng các cơ sở CNNT có sản phẩm đạt giải phát triển mạnh mẽ và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

- Về hỗ trợ liên doanh, liên kết hợp tác kinh tế và phát triển các cụm công nghiệp: Hỗ trợ đầu tư hạ tầng và lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp là 295 CCN, với kinh phí hỗ trợ thực hiện được là 160,44 tỷ đồng, chiếm 7,17% tổng kinh phí khuyến công thực hiện được, từng bước đưa các cơ sở

CNNT tham gia sản xuất trong CCN giảm rõ rệt vấn đề ô nhiễm môi trường trong khu dân cư, giảm các chi phí sản xuất cho doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động tại chỗ ở nông thôn. Sau khi hỗ trợ, nhiều CCN ở vị trí thuận lợi đã triển khai đầu tư hạ tầng, tạo mặt bằng thu hút các doanh nghiệp, cơ sở CNNT đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm; tạo việc làm cho lao động nông thôn. Các doanh nghiệp, cơ sở CNNT hoạt động tại các CCN bước đầu đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước hàng năm.

- Về chương trình phát triển các hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin: Giai đoạn 2010 -2019, trên cả nước đã hỗ trợ thực hiện được 149,63 tỷ đồng từ nguồn kinh phí khuyến công, chiếm 6,68% tổng kinh phí khuyến công thực hiện được từ năm 2010 - 2019.

- Về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (SPCNNTTB). Trong giai đoạn 2012-2019 có 807 sản phẩm được tôn vinh và trao giải SPCNNTTB Cấp khu vực tại 3 miền Bắc-Trung-Nam, có 312 sản phẩm được tôn vinh và trao giải SPCNNTTB Cấp quốc gia. Chương trình này nhằm phát hiện và tôn vinh được các sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đặc trưng, đồng thời có kế hoạch hỗ trợ và nuôi dưỡng các cơ sở CNNT có sản phẩm đạt giải phát triển mạnh mẽ và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Nhìn chung, Chương trình khuyến công đã góp phần tích cực vào việc khuyến khích các cơ sở sản xuất nông thôn mở rộng sản xuất, phát triển sản xuất hàng hóa có quy mô, tập trung theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất nguyên liệu với chế biến và tiêu thụ trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, miền, phù hợp với nhu cầu thị trường, góp phần tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở các địa phương, tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới.

2. Phát triển cụm công nghiệp

Theo quy hoạch phát triển CCN ở các địa phương, đến năm 2020 của cả nước có 1.646 CCN với tổng diện tích 50.728 ha. Đến hết năm 2018, cả nước thành lập 839 CCN với tổng diện tích 27.833 ha, trong đó có 268 CCN (chiếm 34%) do doanh nghiệp (DN) làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng; các CCN còn lại do Trung tâm phát triển CCN, Ban Quản lý CCN cấp huyện, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương và các đơn vị khác làm chủ đầu tư.

Về đầu tư xây dựng hạ tầng: Đến nay, cả nước đã phê duyệt quy hoạch chi tiết (QHCT) đối với 865 CCN, tổng diện tích 28.874,5 ha; đã phê duyệt đầu tư hạ tầng kỹ thuật đối với 552 CCN tổng diện tích 19.213 ha với tổng mức vốn đầu tư 102.000 tỷ đồng (trung bình 5.3 tỷ đồng/ha). Sau khi được phê duyệt dự án đầu tư, các CCN này đã, đang được tiến hành đầu tư hạ tầng; đến nay tổng vốn đã đầu tư hạ tầng đạt 25.568 tỷ đồng (chiếm 24% so với tổng mức đầu tư theo kế hoạch); hình thức đầu tư chủ yếu là vừa đầu tư hạ tầng vừa cho thuê đất.

Về hoạt động, hiện nay, có 698 CCN với tổng diện tích 20.908,5 ha đi vào hoạt động, chiếm 89,2% số CCN đã thành lập; thu hút 9.879 dự án đầu tư sản xuất kinh doanh với tổng vốn đăng ký 225.037 tỷ đồng; tỷ lệ lấp đầy bình quân 62%; tạo việc làm cho 608.954 lao động, chủ yếu là lao động nông thôn quanh khu vực có cụm công nghiệp hoạt động.

3. Hoạt động xúc tiến thương mại (XTTM)

Nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của doanh nghiệp về hoạt động XTTM, Chương trình XTTM quốc gia được xây dựng trên cơ sở bao gồm các hoạt động xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu, xúc tiến thương mại thị trường trong nước và xúc tiến thương mại miền núi, biên giới.

- Hoạt động XTTM đối với sản phẩm nông nghiệp: Hàng năm Bộ Công Thương luôn định hướng ưu tiên nguồn lực để hỗ trợ các hoạt động XTTM đối với nhóm nông sản, bình quân phê duyệt khoảng 33 - 35 tỷ đồng/năm, chiếm 35% tổng kinh phí hỗ trợ của Chương trình thực hiện đề án hỗ trợ XTTM cho sản phẩm nông nghiệp, quảng bá và phát triển thị trường xuất khẩu tại các sự kiện XTTM có uy tín tại Việt Nam và nước ngoài.

- Hoạt động XTTM phát triển thị trường nông thôn: Từ năm 2011 đến năm 2018, thông qua Chương trình XTTM quốc gia, Bộ Công Thương đã phê duyệt tổng số 776 đề án XTTM nội địa với tổng kinh phí là 153,07 tỷ đồng gồm 70 đề án hội chợ vùng với kinh phí hỗ trợ 78,24 tỷ đồng và 706 đề án Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, vùng núi, biên giới, hải đảo với kinh phí 74,83 tỷ đồng. Các hội chợ vùng được tổ chức hàng năm, luân phiên giữa các tỉnh, thành phố trong khu vực có quy mô khoảng từ 250 - 450 gian hàng của các doanh nghiệp với doanh thu trung bình đạt từ 20 - 50 tỷ đồng. Các phiên chợ đưa hàng Việt đến các huyện vùng nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo được tổ chức với sự tham gia của 10 đến 20 doanh nghiệp mỗi phiên, quy mô từ 20 đến 40 gian hàng, doanh số bán hàng đạt trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng/phiên.

Thông qua việc triển khai các đề án tổ chức hội chợ triển lãm, phiên chợ hàng Việt, Chương trình XTTM quốc gia đã hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp thực hiện XTTM phát triển thị trường nội địa, đặc biệt tạo lập kênh phân phối, hệ thống bán lẻ ở vùng nông thôn, miền núi, biên giới, các địa phương còn khó khăn. Các hoạt động phân phối hàng Việt đến khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa... góp phần tích cực giúp các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã tiếp cận người tiêu dùng tại thị trường trong nước, quảng bá tới người tiêu dùng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt, mẫu mã đa dạng, phong phú, giá cả hợp lý, góp phần thực hiện hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” do Bộ Chính trị phát động.

4. Hỗ trợ phát triển thị trường xuất khẩu nông sản

Trong giai đoạn 2010 - 2018, kim ngạch xuất khẩu bình quân nhóm nông sản đạt 24,9 tỷ USD/năm với tốc độ tăng trưởng đạt 8,9%/năm, trong đó

các mặt hàng chủ lực đều có tăng trưởng tích cực như rau quả đạt 27,4%/năm, hạt điều đạt 11,9%/năm, thủy sản đạt 10,2%/năm, gạo đạt 3,2%/năm...

Năm 2018, xuất khẩu nhóm hàng nông sản là điểm sáng trong bức tranh xuất khẩu của cả nước và đạt được kết quả tích cực với kim ngạch xuất khẩu toàn nhóm đạt mức cao nhất từ trước đến nay là 26,6 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm 2017, đóng góp 5 mặt hàng vào nhóm kim ngạch xuất khẩu trên 3 tỷ USD.

Để đạt được những kết quả khả quan như trên, Bộ Công Thương đã luôn quan tâm, chú trọng, đã và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm đa dạng hóa thị trường, hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ nông thủy sản, cụ thể:

- *Đối với công tác đàm phán mở cửa thị trường:* Bộ Công Thương đã và đang chủ động, tích cực phối hợp với các Bộ, ngành ký kết, kết thúc đàm phán và đang tiến hành đàm phán 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, góp phần tạo thuận lợi về thuế quan, quy tắc xuất xứ... qua đó tạo ra một khu vực thị trường rộng lớn cho nông, thủy sản của Việt Nam. Hiện nay, mặt hàng nông, thủy sản của Việt Nam đã xuất khẩu sang hơn 200 nước và vùng lãnh thổ, trong đó một số mặt hàng như gạo, cà phê, hồ tiêu, hạt điều, tôm, cá tra, đồ gỗ... và đã chiếm thị phần khá lớn trên thế giới.

- *Đối với công tác tháo gỡ rào cản kỹ thuật và thương mại:* Về mặt thuế quan, Bộ Công Thương đã làm tốt công tác đàm phán để cắt giảm thuế quan nhập khẩu vào các nước, phần lớn các mặt hàng nông thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang các nước có FTA đều được hưởng mức thuế suất ưu đãi 0%, tạo điều kiện tốt nhất cho hàng hóa của ta tiếp cận các thị trường.

Trước xu hướng các nước nhập khẩu ngày càng tăng cường các rào cản thương mại và kỹ thuật, Bộ Công Thương đã và đang phối hợp tích cực với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động nắm bắt tình hình áp dụng các biện pháp bảo hộ mậu dịch của các nước nhập khẩu để kịp thời thông tin cho các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp, đồng thời đấu tranh có hiệu quả đối với các rào cản kỹ thuật, thương mại bất hợp lý trong các cuộc họp song phương, phiên họp của các Ủy ban liên Chính phủ, Diễn đàn khu vực (ASEAN, APEC) và đa phương (WTO).

- *Đối với công tác điều hành xuất khẩu (gạo)*

Trong bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn, công tác điều hành xuất khẩu gạo của cả 2 Bộ (Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã cố gắng bám sát mục tiêu tiêu thụ lúa gạo vụ Đông Xuân - Hè Thu cho người nông dân và tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp trong công tác kinh doanh xuất khẩu gạo. Đặc biệt, Nghị định 107/2018/NĐ-CP đã được thực thi hết sức nghiêm túc, việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo về cơ bản được thực hiện hiệu quả, tạo cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường.

Bộ Công Thương đã chủ trì, tổ chức nhiều chương trình XTTM gạo sang

các thị trường truyền thống, trọng điểm và các thị trường còn nhiều tiềm năng trong giai đoạn 2015 - 2018 như Hoa Kỳ, Philippines, Singapore, Bờ Biển Ngà, Trung Quốc (Quảng Châu, Trùng Khánh, Thành Đô), Hồng Kông, Nam Phi.

Năm 2019, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục tổ chức chương trình XTTM sang Trung Quốc (Chiết Giang, An Huy), Philippines, Malaysia, Hà Lan... theo hướng tập trung nguồn lực dài hạn XTTM cho một số chủng loại gạo có tính đặc thù, vào một số thị trường ưu tiên có hiệu quả, có tập trung trọng tâm, trọng điểm.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá về những kết quả đạt được

a) Đối với tiêu chí số 4

- Việc đầu tư phát triển điện nông thôn trong 10 năm qua đã làm cho bức tranh cung cấp điện nông thôn được thay đổi rất nhiều từ mức độ chỉ được đáp ứng ở mức cơ bản, lên mức độ được đáp ứng hầu hết với chất lượng ngày càng cao, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực nông thôn.

- Mười năm trước đây, ở nhiều vùng nông thôn hệ thống lưới điện ở tình trạng sập sệ cột tre cột gỗ, dây dẫn nhỏ không đảm bảo an toàn do được xây dựng từ các tổ chức quản lý điện nông thôn, thì tới nay sau khi được Điện lực tiếp nhận và đầu tư cải tạo nâng cấp, lưới điện đã được chỉnh trang, việc cung cấp điện cho nhân dân được ổn định và an toàn hơn rất nhiều.

- Bên cạnh việc đầu tư phát triển lưới điện nông thôn, việc quản lý điện nông thôn cũng được thay đổi rất nhiều. Từ nhiều mô hình quản lý điện nông thôn cùng tồn tại trước đây: Ban điện xã, Tổ điện dân lập, tư nhân đầu tư,... tới nay trên địa bàn cả nước chủ yếu là mô hình ngành điện quản lý bán điện trực tiếp đến hộ tiêu thụ chiếm tỷ lệ 93%. Nhờ đó các hộ dân được mua điện theo đúng giá Chính phủ qui định.

b) Đối với tiêu chí số 7

- Tính đến tháng 8/2019, cả nước có 8.902 xã trong đó có 7.867 xã đạt Tiêu chí số 7 chiếm 88,4% tổng số xã của cả nước, vượt mục tiêu của Chính phủ giao tại Quyết định 1600/QĐ-TTg là 18,4% (mục tiêu 70%) và vượt xa mục tiêu của Bộ Công Thương đề ra tại Quyết định số 6286/QĐ-BCT là 38,4% (mục tiêu là 50%).

- Việc thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng thương mại thiết yếu theo tiêu chí nông thôn mới đã tạo tiền đề, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã nông thôn mới, tạo điều kiện cho người nông dân phát huy vai trò chủ thể xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi mô hình sản xuất, nâng cao đời sống, góp phần đảm bảo tiêu chí thu nhập trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Một số chợ nông thôn tại một số địa phương đã được quy hoạch và quản lý theo quy hoạch nên dễ dàng xác định chợ để đầu tư. Một số chợ tại địa phương đã được đầu tư nâng cấp, cải tạo, tạo điều kiện mua bán, trao đổi hàng hóa được dễ dàng hơn.

- Công tác quản lý hoạt động của chợ ngày một tốt hơn. Việc tổ chức, sắp xếp các điểm kinh doanh ngày một khoa học, phù hợp dần với các thiết kế xây dựng, tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh, đảm bảo môi trường và giải quyết, xử lý các vấn đề đặt ra.

- Đa số các chợ sau chuyển đổi đã hoạt động ổn định và khai thác có hiệu quả, bước đầu đã huy động được các nguồn lực thực hiện xã hội hóa đầu tư cải tạo nâng cấp chợ, góp phần từng bước thực hiện xã hội hóa trong công tác phát triển và quản lý chợ.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả, thành tích đạt được, việc thực hiện tiêu chí số 4 về điện và số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn còn nhiều mặt khó khăn, hạn chế, cụ thể là:

a) Đối với tiêu chí số 4

- Mặc dù đã có rất nhiều cố gắng tuy nhiên tính đến tháng 8/2019, tỷ lệ xã đạt tiêu chí số 4 chưa đạt mục tiêu của Chính phủ giao tại Quyết định 1600/QĐ-TTg (mục tiêu 100% số xã đạt tiêu chí số 4) và mục tiêu của Bộ Công Thương đề ra tại Quyết định số 6286/QĐ-BCT (mục tiêu là 95,16% xã đạt tiêu chí số 4).

- Lưới điện nông thôn trong thời gian qua được tăng cường đầu tư nhưng chưa đồng đều, tổn thất điện năng ở một số nơi còn cao, điện áp cuối nguồn ở một số trạm biến áp vào giờ cao điểm chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng điện áp.

- Tình trạng vi phạm hành lang lưới điện cao áp vẫn diễn biến phức tạp; còn nhiều điểm vi phạm khoảng cách an toàn lưới điện hạ áp theo quy phạm (chủ yếu là cây cối) gây mất an toàn cho người và thiết bị; hệ thống dây sau công tơ thuộc trách nhiệm của hộ gia đình đã dẫn đến tình trạng nhiều chủng loại khác nhau, tiết diện chưa phù hợp với công suất sử dụng... là nguyên nhân gây ra nguy cơ mất an toàn lưới điện.

- Tốc độ tăng trưởng phụ tải, nhu cầu sử dụng điện của khu vực nông thôn phát triển quá nhanh, nhiều vị trí đầu tư (tại thời điểm đó đánh giá đã đạt tiêu chí), sau một thời gian vận hành đã đầy tải và lại phải tiếp tục bổ sung sửa chữa, nếu không kịp đầu tư kịp thời sẽ có một số chỉ tiêu của tiêu chí không đạt.

- Việc đầu tư cho điện nông thôn chi phí cao, suất đầu tư lớn, không được hỗ trợ từ nguồn vốn của Chương trình xây dựng nông thôn mới, nguồn lực thu hút vốn đầu tư vào lưới điện chủ yếu là vốn của ngành điện nên việc

đầu tư cải tạo lưới điện nông thôn để thực hiện tiêu chí còn hạn chế, chưa kịp thời.

b) Đối với tiêu chí số 7

- Nhu cầu nguồn lực ngân sách để xây dựng chợ rất lớn, trong khi khả năng ngân sách địa phương có hạn, hầu hết các chợ nông thôn thường họp theo phiên, theo buổi, số hộ kinh doanh cố định tại chợ ít nên khó thu hút đầu tư xây dựng chợ, công tác xã hội hóa đầu tư gặp nhiều khó khăn. Một số địa phương không có quỹ đất công, phải thực hiện giải phóng mặt bằng khi đầu tư xây dựng chợ, do đó việc thực hiện giải tỏa, di dời các hộ dân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ rất khó khăn, phức tạp.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm tại các chợ còn hạn chế do nhân lực ít, cán bộ tuyến xã, phường kiêm nhiệm nhiều chương trình cùng lúc và một số chưa được đào tạo về nghiệp vụ quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, nên dẫn đến việc quản lý còn thiếu tính hệ thống, chưa thực sự gắn kết để phối hợp triển khai thực hiện.

- Một số xã, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của Chương trình, sự phối kết hợp giữa các đơn vị liên quan trong công tác rà soát, đánh giá tiêu chí số 7 như: cung cấp thông tin, số liệu chưa kịp thời, thiếu chính xác gây khó khăn cho công tác tổng hợp cũng như phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc.

- Đối với các cơ sở bán lẻ khác ở nông thôn như siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp hầu hết do cá nhân, hộ kinh doanh quản lý nên khó khăn trong quá trình đánh giá.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân của những thành tựu

**** Đối với tiêu chí số 4***

- Có chủ trương đúng đắn, phương châm Nhà nước và nhân dân, Trung ương và Địa phương cùng làm đã huy động được nguồn lực vô cùng to lớn của cả xã hội để tập trung đầu tư cho sự nghiệp điện khí hóa nông thôn ngay cả khi dân ta còn nghèo. Mặc dù rất khó khăn về vốn trong khi nhu cầu đầu tư cho công trình điện là rất lớn, chung tay cùng ngành điện, các cấp chính quyền từ Trung ương đến Địa phương đã cùng nhân dân đồng lòng, đóng góp sức người, sức của để ưu tiên cho việc đưa điện về bản, làng.

- EVN với vai trò Tập đoàn kinh tế của nhà nước, kết hợp chính sách hỗ trợ của Chính phủ về vốn đầu tư hàng năm đã khẳng định được vai trò của mình. Trong nhiều năm qua, EVN đã nỗ lực huy động các nguồn lực rất lớn trong việc đầu tư lưới điện truyền tải, mở rộng hạ tầng cơ bản hệ thống lưới điện phân phối, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho các địa phương và nhân dân cả nước góp công, góp sức cho sự nghiệp Điện khí hóa đất nước.

- Chính sách chia sẻ chi phí và huy động các nguồn kinh phí. Sự kết hợp nhiều nguồn tài chính đã được sử dụng để xây dựng và mở rộng hệ thống điện nông thôn, với tỷ lệ tương ứng của từng nguồn được thay đổi theo thời gian đã giúp người dân sớm được tiếp cận với lưới điện.

- Có sự giúp đỡ tích cực của các Tổ chức tín dụng quốc tế, nhà tài trợ nước ngoài. Nguồn tài chính từ sự giúp đỡ quý báu này đã tạo đà cho sự phát triển lưới điện đến những khu vực nông thôn, đặc biệt là các khu vực còn gặp nhiều khó khăn.

** Đối với tiêu chí số 7*

- Với đặc trưng về văn hóa của Việt Nam thì chợ truyền thống đóng một vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống phân phối tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn. Với một hệ thống chợ truyền thống mà qua đó hơn 90% lưu lượng hàng hóa được thực hiện mua bán ổn định thường xuyên sẽ là thuận lợi hết sức căn bản trong việc tổ chức triển khai thực hiện tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

- Sự quan tâm vào cuộc của Chính quyền các cấp tại địa phương thông qua việc chỉ đạo, hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh, ngân sách của huyện, thành phố cùng với nguồn đóng góp của các hộ kinh doanh... trong công tác đầu tư, xây mới, cải tạo, nâng cấp các chợ nông thôn.

b) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

** Đối với tiêu chí số 4*

- Số xã chưa đạt tiêu chí số 4 chủ yếu là các xã có tỷ lệ hộ dân có điện thấp, tại khu vực vùng sâu, vùng xa, số hộ dân chưa có điện chủ yếu sống ở các thôn, bản vùng sâu, nằm quá xa lưới điện quốc gia, dân sống rải rác nên đầu tư cấp điện có chi phí quá lớn, suất đầu tư cao, nên không thể huy động và điều tiết được nguồn vốn để đầu tư đồng bộ, dàn đều giữa các vùng, miền. Vì vậy, cần phải có những chính sách đặc biệt của Chính phủ để giải quyết việc cấp điện được cho các thôn, bản và đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

- Khó khăn lớn nhất là thiếu nguồn vốn. Đầu tư lưới điện nông thôn là đầu tư hạ tầng, trong khi lượng điện, tiêu thụ điện tại các vùng nông thôn ít, doanh thu bán điện thấp trong khi khối lượng và chi phí vốn đầu tư quá lớn. Hầu hết các dự án cấp điện nông thôn không đảm bảo tính khả thi về kinh tế-tài chính nên khó vay vốn của các Tổ chức trong và ngoài nước, ngoại trừ các nguồn được hỗ trợ từ các Tổ chức quốc tế.

- Do một thời gian khá dài lưới điện nông thôn phát triển theo khả năng huy động các nguồn vốn của từng địa phương, từng xã, huyện mà không theo quy hoạch nên nhiều nơi mang tính chắp vá, cũ nát và chưa tính đến phát triển phụ tải sau này nhất là phụ tải các xã, thôn, bản lân cận chưa có điện, chưa chú ý đúng mức đến vấn đề kỹ thuật và hành lang an toàn lưới điện, lưới điện hạ áp còn sử dụng dây trần, bán kính cấp điện lớn không đảm bảo các tiêu

chuẩn kỹ thuật và an toàn, dẫn đến chất lượng điện kém, nên việc đầu tư cải tạo nâng cấp đòi hỏi nhu cầu đầu tư lớn, để đầu tư hoàn chỉnh lưới điện đáp ứng tiêu chí số 4 sau khi tiếp nhận, EVN dự kiến cần 3-5 tỷ đồng/xã

** Đối với tiêu chí số 7*

- Hầu hết các tỉnh, các địa phương có xuất phát điểm thấp, kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, ứng dụng khoa học kỹ thuật còn chậm và yếu, cơ cấu lao động nông nghiệp còn cao, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, hộ nghèo còn lớn nên việc huy động đầu tư, đóng góp từ người dân cho chương trình rất khó khăn.

- Nhận thức thức của một bộ phận người dân, tiểu thương kinh doanh, cán bộ sợ mất quyền lợi, không muốn thay đổi nên ảnh hưởng đến công tác chuyển đổi mô hình quản lý, tư tưởng còn trông chờ, ỷ lại.

- Đa số các chợ nông thôn đã được xây dựng từ lâu, cơ sở hạ tầng yếu kém, thiếu thốn các hạng mục thiết yếu, hoạt động không hiệu quả, không thu hút được đầu tư, xã hội hóa. Trong khi nguồn vốn ngân sách dành cho phát triển lại rất hạn chế, không đáp ứng nhu cầu. Hệ thống chợ dân sinh chưa đáp ứng được nhu cầu dẫn đến phát triển các tụ điểm chợ cóc.

4. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, nội dung của Chương trình và tổ chức thành phong trào sâu rộng từ cán bộ đến người dân hiểu, đồng tình hưởng ứng và tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

Thứ hai, kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung những hướng dẫn xét công nhận các tiêu chí sao cho phù hợp với tình hình thực tế, qua đó giúp các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn phấn đấu hoàn thành các tiêu chí.

Thứ ba, tạo được sự thống nhất và phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Công Thương và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí; sự phối hợp giữa địa phương với ngành điện để đầu tư, xây dựng phát triển lưới điện theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ tư, tăng cường lồng ghép các chương trình, kế hoạch thuộc nhiệm vụ Bộ Công Thương với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong việc huy động các nguồn lực đầu tư để phát triển hạ tầng điện và cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Thứ năm, khuyến khích, động viên khen thưởng kịp thời nhằm động viên, khuyến khích những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2020

I. QUAN ĐIỂM

Ưu tiên mọi nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống lưới điện nông thôn, đảm bảo cung cấp điện cho sản xuất và đời sống của nhân dân, góp phần cho phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị và an ninh quốc phòng cho khu vực nông thôn trên cả nước.

Phát triển thương mại nông thôn ngày càng vững mạnh, theo hướng văn minh, hiện đại với sự tham gia của các thành phần kinh tế và sự đa dạng của các loại hình tổ chức phân phối, các hoạt động dịch vụ và phương thức kinh doanh; góp phần định hướng và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển; đáp ứng đủ, kịp thời nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng của nhân dân ở địa bàn nông thôn, trên cơ sở đó góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, xoá đói giảm nghèo, tạo tiền đề để chủ động hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế thành công ở địa bàn nông thôn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện nông thôn, đảm bảo giữ vững đối với những địa phương đã đạt tiêu chí số 4, tăng thêm các địa phương mới đạt tiêu chí 4, góp phần hoàn thành mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới.

Triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn tại các địa phương, qua đó thúc đẩy quá trình giao thương, trao đổi hàng hóa, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, làm thay đổi diện mạo tại khu vực nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với tiêu chí số 4 về điện

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn, giữ vững tiêu chí số 4 của các xã đã hoàn thành.

- Đến hết năm 2020, phấn đấu có 95% số xã đạt tiêu chí số 4;

2.2. Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân.

- Đến năm 2020, dự kiến sẽ có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

II. MỘT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN HẾT NĂM 2020 VÀ SAU NĂM 2020

1. Tiếp tục phát động và nâng cao chất lượng phong trào thi đua “ngành Công Thương chung sức xây dựng nông thôn mới”; đa dạng hóa các loại hình tuyên truyền, nâng cao nhận thức để cán bộ, đảng viên và người lao động Ngành Công Thương hiểu đầy đủ bản chất nhân văn của xây dựng nông thôn mới; quán triệt tư tưởng “*Xây dựng nông thôn mới có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc*”.

2. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các Sở Công Thương rà soát mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2016-2020 để hoàn thành chương trình nông thôn mới. Chủ động bắt tay vào xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện tiêu chí số 4 và số 7 giai đoạn sau năm 2020 theo hướng xác định rõ mục tiêu gắn với tình hình hình thực tế.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển thương mại và quy hoạch phát triển điện năng đã được phê duyệt.

4. Tăng cường lồng ghép, huy động nguồn lực thực thực hiện các tiêu chí.

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan bố trí nguồn vốn để đầu tư cải tạo, nâng cấp và mở rộng lưới điện nông thôn, ưu tiên các xã thuộc kế hoạch nông thôn mới vào các dự án mục tiêu nhằm sớm hoàn thành tiêu chí; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn khác nhau cho đầu tư xây dựng phát triển lưới điện nông thôn; lồng ghép nguồn vốn của các Chương trình như: Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo, Chương trình xây dựng nông thôn mới...

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án chợ nằm trong danh mục đầu tư của các xã nông thôn mới; tăng cường, vận động, huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, khai thác, quản lý để cải tạo, nâng cấp hệ thống chợ hiện có và các cơ sở bán lẻ hiện đại theo tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn;

5. Nghiên cứu xây dựng cơ chế phù hợp khuyến khích các tổ chức trong và ngoài nước tham gia vào đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo; xây dựng cơ chế khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức tham gia đầu tư xây dựng các dự án chợ nông thôn đặc biệt là các dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn góp phần cải thiện đời sống sản xuất, tiêu dùng của nhân dân, đồng thời hoàn thiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

6. Đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền về chính sách, chủ trương của nhà nước trong công tác quản lý điện, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

- Phối hợp chính quyền địa phương vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện tiêu chí 4 như: đóng góp bồi thường, tự giải phóng mặt bằng khi đầu tư các công trình điện, tham gia thực hiện và bảo vệ hành lang lưới điện,

các công trình điện; đầu tư hệ thống điện gia đình và sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất bảo đảm an toàn.

- Phổ biến các quy định pháp luật trong sản xuất kinh doanh, chế biến thực phẩm, đặc biệt là các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; tuyên truyền, vận động tiêu thụ hàng hóa bảo đảm chất lượng, bán đúng giá niêm yết, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, giữ gìn vệ sinh môi trường, góp phần xây dựng các chợ ngày càng văn minh, hiện đại.

7. Tập trung thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình

* Đối với tiêu chí số 4

- Tiếp tục hướng dẫn thực hiện đánh giá tiêu chí điện nông thôn theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới; xem xét, điều chỉnh phù hợp với thực tế trong giai đoạn sau năm 2020.

- Nghiên cứu đầu tư cấp điện với dạng năng lượng khác như năng lượng mặt trời, gió, thủy điện nhỏ, kết hợp mặt trời ắc qui...đối với các thôn bản chưa có điện, đó là những nơi dân cư phân bố thưa thớt, quá xa nguồn điện, suất đầu tư cao không thể cấp điện bằng nguồn lưới điện Quốc gia.

- Phối hợp với các địa phương hoàn thành chương trình xóa cầu phụ, đảm bảo mỗi hộ dân được sử dụng điện của ngành Điện.

- Hoàn thành đầu tư các dự án, chương trình cấp điện cho nông thôn, cụ thể như: Dự án cấp điện khu vực nông thôn theo Quyết định 1740/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cấp điện phục vụ nuôi trồng thủy sản, cấp điện cho các trạm bơm, tưới tiêu chống úng, chống hạn; cấp điện cho vùng lõm chưa có điện; cấp điện cho chong đèn thanh long...

* Đối với tiêu chí số 7

- Tiếp tục hướng dẫn thực hiện đánh giá tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; xem xét, điều chỉnh phù hợp với thực tế trong giai đoạn sau năm 2020.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương tập trung nâng chất hệ thống chợ nói riêng và cơ sở hạ tầng thương mại nói chung, đảm bảo đáp ứng các quy định về tiêu chí số 7 trong bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Hỗ trợ địa phương đào tạo tập huấn, nghiệp vụ quản lý, kinh doanh và khai thác chợ; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, tham gia gian hàng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, tổ chức kết nối cung cầu, thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa.

- Phát triển, nhân rộng các mô hình, mạng lưới cửa hàng kinh doanh tổng hợp, hệ thống cửa hàng tiện lợi phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng tại các địa phương.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong thực hiện các tiêu chí số 4

và số 7 để nắm bắt thông tin, tổng hợp các kiến nghị, đề xuất của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời hướng dẫn, hoặc nghiên cứu điều chỉnh bổ sung các quy định cho phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương.

9. Thực hiện tốt các chương trình khuyến công quốc gia, khuyến công địa phương, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu hàng hóa nhằm hỗ trợ thiết thực, hiệu quả giúp doanh nghiệp, HTX phát triển sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, hình thành chuỗi cung ứng hàng hóa thông suốt, ổn định phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân khu vực nông thôn góp phần hỗ trợ thực hiện tiêu chí tổ chức sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập của người dân khu vực nông thôn.

Phần thứ ba
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Đối với Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương

1. Kiến nghị có cơ chế riêng để huy động đầu tư, cải tạo lưới điện nông thôn, có chính sách cụ thể hỗ trợ cho ngành điện, các đơn vị, tổ chức đầu tư hạ tầng kỹ thuật, quản lý lưới điện nông thôn như: được vay vốn ưu đãi, giá mua - bán điện, thuế doanh nghiệp; có chính sách hỗ trợ huy động mọi nguồn vốn để đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống chợ, hạ tầng thương mại nông thôn.

1. Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương đưa các nguồn vốn ngân sách trung ương, đặc biệt là các nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại về các khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo để kịp thời phát huy được nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế cho đồng bào khu vực vùng sâu, vùng xa, giúp giảm nghèo và tiến tới xóa nghèo bền vững.

2. Xem xét bố trí vốn ngân sách để thực hiện dự án “Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2015-2020” thuộc Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

3. Có chính sách hỗ trợ vốn đầu tư để cải tạo, nâng cấp và phát triển lưới điện phục vụ nuôi tôm công nghiệp tại các tỉnh ven biển giai đoạn 2018-2025.

II. Đối với các Bộ liên quan

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm giao đủ vốn đầu tư công trung hạn 2018-2020 để các địa phương và EVN triển khai thực hiện các dự án cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo theo đúng tiến độ được quy định trong Hiệp định.

- Hàng năm quan tâm phân bổ, hỗ trợ nguồn vốn cho các địa phương đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp chợ; hỗ trợ kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và kinh doanh chợ tại các địa phương.

- Tham mưu cho Chính phủ tạo cơ chế thông thoáng đối với các khoản vay phục vụ Chương trình Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo theo Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính:

- Khẩn trương ban hành hướng dẫn UBND các tỉnh, EVN và các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác bàn giao lưới điện hạ áp nông thôn để sớm ổn định công tác quản lý vận hành, đảm bảo an toàn, hiệu quả cho lưới điện khu vực nông thôn.

- Hướng dẫn xác định giá trị tài sản còn lại đối với các chợ đã được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn NSNN khi chuyển đổi sang mô hình HTX quản lý chợ.

- Tham mưu cho Chính phủ tạo cơ chế thông thoáng đối với các khoản vay phục vụ Chương trình Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo theo Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Xây dựng

Nghiên cứu điều chỉnh một số tiêu chí trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9211:2012 thiết kế chợ cho phù hợp với địa phương.

4. Bộ Thông tin và truyền thông

Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố, các doanh nghiệp quản lý hạ tầng đường cáp thông tin tích cực quan tâm thực hiện việc thu hồi các đường cáp thông tin không còn vận hành, tổ chức chỉnh trang, bó gọn các đường cáp thông tin giăng mắc chằng chịt, chùng thấp; đối với các trường hợp kéo mới các tuyến cáp thông tin tuyệt đối không giăng mắc tùy tiện mà phải đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành, không làm ảnh hưởng đến tình trạng an toàn của hệ thống lưới điện và đảm bảo về an toàn trật tự giao thông.

5. Bộ Nội vụ

Hướng dẫn chế độ đối với cán bộ, nhân viên trong biên chế hành chính sự nghiệp nhà nước thuộc ban quản lý chợ, tổ quản lý chợ khi chuyển sang doanh nghiệp hoặc HTX quản lý kinh doanh khai thác chợ

III. Đối với UBND các tỉnh, thành phố

1. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách hàng năm của tỉnh để thực hiện đầu tư cấp điện cho các hộ chưa có điện khi ngân sách TW chưa bố trí vốn, vì các dự án này mang tính công ích, thực hiện mục tiêu an sinh xã hội nên không thể vay vốn thương mại để đầu tư.

2. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố điều phối ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác để bố trí cho đầu tư mới, cải tạo nâng cấp các chợ nông thôn, bảo đảm các tiêu chí theo quy định

3. Hỗ trợ ngành Điện trong việc tuyên truyền vận động người dân tạo điều kiện trong việc phát quang hành lang an toàn lưới điện, vận động người dân không trồng các cây nhanh phát triển dưới đường dây hiện hữu.

4. Chỉ đạo các địa phương khi xây dựng đường giao thông nông thôn, cần thực hiện đồng bộ việc di dời công trình điện nằm trong phạm vi cải tạo mở rộng đường và bố trí kinh phí trong chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của chủ đầu tư.

5. Chỉ đạo các Sở, ban, ngành phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương trong công tác phát triển và quản lý chợ, nhất là trong việc thẩm định các nội dung liên quan đến chuyển đổi mô hình quản lý chợ trong thời gian tới.

6. Chỉ đạo lồng ghép chương trình khuyến công, phát triển cụm công nghiệp với các chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn, tiêu thụ công nghiệp, làng nghề để tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại khu vực nông thôn./.